



NHỰA BÌNH MINH®



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



KHÁT VỌNG TRƯỜNG TỒN



Tầm nhìn

Duy trì vị thế doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa vật liệu xây dựng Việt Nam.

Chủ động hoàn thiện năng lực, sẵn sàng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Sứ mệnh

Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bảo đảm hài hòa các lợi ích của Khách hàng, Người lao động, Cổ đông và Xã hội.

Giá trị cốt lõi

Đồng thuận cao -
Tôn trọng quá khứ -
Vững vàng hiện tại -
Tự tin hướng tới tương lai.



Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Người lao động thân mến,

Năm 2021, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP) đã tiếp tục giữ vững thị phần và dẫn đầu thị trường trong bối cảnh có nhiều thách thức. Ngành công nghiệp đã phải đối mặt với nhiều thách thức và bị gián đoạn bởi đại dịch COVID-19 với các đợt bùng phát biến thể mới gây ảnh hưởng đáng kể trong cả năm, bên cạnh đó còn là tình trạng giá nguyên liệu đã tăng cao kỷ lục. Trong năm 2021, GDP của Việt Nam chỉ tăng nhẹ khoảng 2,6% cho thấy sự sụt giảm so với năm trước đó. Mặc dù chịu áp lực từ những yếu tố như suy thoái kinh tế, đối thủ cạnh tranh hiện tại và mới phát sinh, thị trường thiếu ổn định, bị phong tỏa, giá nguyên liệu đầu vào tăng và gián đoạn chuỗi cung ứng..., BMP vẫn có thể duy trì thị phần dẫn đầu tại Việt Nam và tiếp tục tìm hiểu các cơ hội thị trường cùng với các đối tác chiến lược quan trọng.

Đối mặt với đại dịch COVID-19 không thể tránh khỏi, năm 2021 vẫn có thêm những thành công đáng kể trong các hoạt động tiếp thị chuyên sâu và những cải tiến nhất quán của Công ty - không chỉ về lợi thế cạnh tranh mà còn về tổ chức và nhân lực phù hợp với định hướng chiến lược. BMP đã cố gắng đẩy nhanh các công tác R&D, áp dụng các công nghệ mới, đặc biệt là tự động hóa để mang đến những khả năng cạnh tranh dài hạn bền vững và đáng tin cậy. Việc đổi mới đa dạng hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (HVA) nhằm phục vụ khách hàng cũng được BMP chú trọng. Kết quả là nhiều sản phẩm HVA mới đã được liên tục ra mắt ngay trong giai đoạn thị trường suy thoái. Mặt khác, BMP vẫn liên tục cải tiến quy trình quản lý và đã ứng dụng mô hình Tích hợp Kinh doanh Xuất sắc (IBE) từ hệ thống quản lý Dupont nổi tiếng thế giới vào tổ chức, hình thành một tư tưởng cốt lõi trong phát triển kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, độ tin cậy của doanh nghiệp và tính bền vững trong các lĩnh vực trọng yếu như:

- Phát triển phân luồng quản lý quy trình, song song với lược bỏ các bước không cần thiết.
- Cải tiến việc ủy quyền cho nhân viên.
- Tăng cường công tác truyền thông trong nội bộ và ra bên ngoài.
- Tăng tốc tiếp cận thị trường và đồng bộ hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng một cách hiệu quả.

Trong năm 2022, kinh tế dự kiến được phục hồi sau COVID-19, cho phép các doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường trở lại ở mức như trước đại dịch. Tuy nhiên, ngay cả với các điều kiện cạnh tranh gay gắt và khó lường, BMP vẫn sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc từ các yếu tố bên trong lẫn bên ngoài. BMP cam kết với tầm nhìn vững chãi và rõ ràng của mình, Công ty sẽ dẫn đầu thị trường về các sản phẩm PVC tích hợp tại Việt Nam, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm của mình tương thích với các tiêu chuẩn của khu vực và ứng dụng các quy trình quản lý đẳng cấp thế giới vào hoạt động, đảm bảo sự thành công lâu dài của Công ty.

Sau cùng, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả các Cổ đông, Đối tác, Người lao động và Khách hàng đã tin cậy, cùng đóng góp vào những thành công của Công ty trong những năm qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì khả năng cạnh tranh cao và tập trung vào những cải tiến mới giúp cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng vượt trội làm hài lòng khách hàng.

Trân trọng và cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD



Mục lục



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát. 10
2. Quá trình hình thành và phát triển 12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh. 32
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý. 40
5. Định hướng phát triển. 44
6. Các rủi ro. 48

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. 52
2. Tổ chức và nhân sự. 54
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án. 64
4. Tình hình tài chính. 66
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. 72
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty. 74

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. 96
2. Tình hình tài chính. 100
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. 101
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai. 102
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán. 103
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty. 104

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. 112
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị. 114
3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. 115
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành. 116
5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển. 117

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị. 116
2. Ban Kiểm soát. 125
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát. 132

VI. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)

- Báo cáo ESG 148

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán. 154
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. 158

Danh mục từ viết tắt

CBCNV: Cán bộ công nhân viên
NLD: Người lao động
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT: Hội đồng quản trị
BKS: Ban Kiểm soát
BTGD: Ban Tổng Giám đốc
HĐTV: Hội đồng thành viên

BMP: Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
MTV: Một thành viên
NBM: Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc
BMLA: Bình Minh Long An
DPC: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

SCIC: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
BMV: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt
TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
ERP: Enterprise Resource Planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp

ĐKDN: Đăng ký doanh nghiệp
QTRR: Quản trị rủi ro
PCCC: Phòng cháy chữa cháy
KSNB: Kiểm soát nội bộ
NTP: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.	10
2. Quá trình hình thành và phát triển	12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	32
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	40
5. Định hướng phát triển.	44
6. Các rủi ro.	48



1. Thông tin khái quát



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
0301464823

Vốn điều lệ:

818.609.380.000 đồng

Địa chỉ:

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 39 690 973

Fax: (84-28) 39 606 814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu : BMP

Tên công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh:

**BINH MINH PLASTICS
JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch:

BM PLASCO



2. Quá trình hình thành và phát triển

1977 - 1986: Ổn định sản xuất

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cầm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông...

1977

- Ngày 16/11, Nhà máy Công ty Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng Công ty Công nghệ phẩm - Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiểu Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

1986

- Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án "Chương trình nước sạch nông thôn", đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

1987 - 1996: Đầu tư khoa học kỹ thuật - Định hướng phát triển

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.

1990

- Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

1994

- Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam 400 mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

1997 - 2006: Đổi mới để phát triển

Với chủ trương “Đổi mới để phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn nhất Việt Nam hiện nay như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mạng đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn.

1999

- Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.



2000

- Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001.

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2002

- Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.
- Hoàn tất đầu tư kho bãi, mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².



2004

- Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastics Joint-Stock Company, viết tắt là BM PLASCO.
- Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

2006

- Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.

BIỂU ĐỒ GIÁ CỔ PHIẾU BMP

Đơn vị: 1.000 VND



2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2007 đến nay: Phát triển bền vững

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với Cổ đông, Khách hàng, Người lao động và Cộng đồng, ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

2007

- Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.



2008

- Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2009



- Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
- Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630 mm.



2010



- Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.
- Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.



2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2012

- Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.
- Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Oracle E-Business Suite”.



2013

- Chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
- Tăng vốn điều lệ lên 454.784.800.000 đồng.

2015

- Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.
- Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và Công ty con.



2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2016

- Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.
- Đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2018.
- Đạt Thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20 liên tiếp từ 1997 đến 2016.

2017

- Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất (lần thứ 2).
- Khánh thành giai đoạn II BMLA.
- Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.
- Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.
- Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.
- Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000-2015.



- Đạt Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.
- Tăng vốn điều lệ lên 818.609.380.000 đồng.

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2018



2019



- Trở thành Công ty thành viên thuộc Tập đoàn SCG của Thái Lan - một tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á. Tiếp cận một tập đoàn lớn với nhiều kinh nghiệm và công nghệ quản trị hiện đại, Nhựa Bình Minh có điều kiện rất thuận lợi để trao đổi, hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.
- Đạt giải World-Class - Giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương.

- Tiến hành triển khai tái cấu trúc tổ chức Công ty và tái cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng năng động và phù hợp hơn trong môi trường cạnh tranh.



2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2020



- Đẩy mạnh tự động hóa sản xuất, khởi động chương trình cải tiến liên tục nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.



2021



- Áp dụng thành công và hình thành chính thức Bộ phận Chuỗi cung ứng (SCM); Phát huy sự vững chãi của hệ thống quản lý hiện hành để đưa Công ty vượt qua đại dịch Covid-19 một cách chủ động và hiệu quả.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)

Địa bàn kinh doanh

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh nội địa trên cả nước.

Nhựa Bình Minh chiếm khoảng 43% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Nam, khoảng 5% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Bắc và chiếm khoảng 28% thị phần ống nhựa trong cả nước (theo nguồn SCG Research).

Thông qua mạng lưới phân phối của SCG, một số sản phẩm của Nhựa Bình Minh đã bước đầu thâm nhập vững chắc vào các nước Đông Nam Á.



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH SÀI GÒN



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH BÌNH DƯƠNG



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH LONG AN

Các nhà máy sản xuất

Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 150.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau hơn 44 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2021, Công ty có khoảng 1.930 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)

Danh mục sản phẩm tiêu biểu



Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U

Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20 mm đến 630 mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2017/BXD bao gồm:

- ▶ Ống và phụ tùng ống nhựa PVC -U hệ inch và hệ mét được sản xuất từ hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo.
- ▶ Ống PVC-U hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa...
- ▶ Ống và phụ tùng PVC-U được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các hệ thống như: Hệ thống cáp ngầm bu-đi-ên (cáp sợi quang, cáp đồng,...), Hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện,...).

Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE

- ▶ Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16 mm đến 1.200 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD thích hợp dùng cho các ứng dụng:
 - Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
 - Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
 - Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
 - Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa...
- ▶ Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE đường kính từ 110mm đến 500mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:
 - Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
 - Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
 - Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
 - Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
 - Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
 - Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tt)

Danh mục sản phẩm tiêu biểu

Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20 mm đến 160 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097:2013/ISO 15874:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và trong công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.



Nhóm các sản phẩm khác

Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với Bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

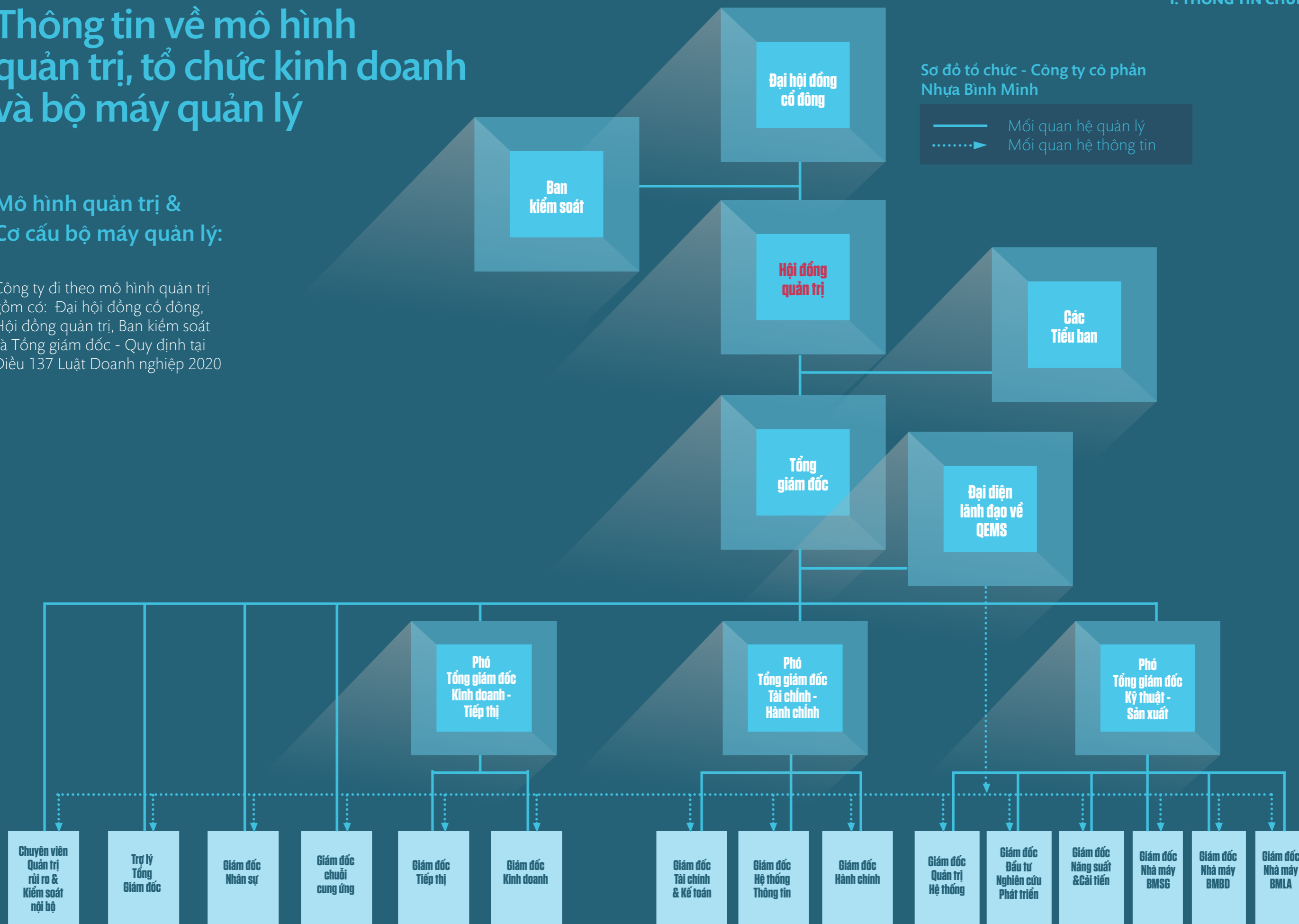
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty đi theo mô hình quản trị gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc - Quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020

Sơ đồ tổ chức - Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh

— Mối quan hệ quản lý
 Mối quan hệ thông tin



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tt)

Các Công ty con và Công ty liên kết

Vốn điều lệ
155 tỷ VNĐ
Nhựa Bình Minh sở hữu
100%



**Công ty TNHH MTV
Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)**
CÔNG TY CON

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006, tọa lạc tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. NBM chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

ĐC: Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Vốn điều lệ
210 tỷ VNĐ
Nhựa Bình Minh sở hữu
26%



Công ty CP Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt (BMV)
CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy Nhựa Bình Minh Sài Gòn theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%. Đang được tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động.

ĐC: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM



Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC)
CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu

Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Cao nguyên.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên. Trong năm 2019, DPC đã khởi công xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Đà Nẵng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nặng nề và kéo dài tại Đà Nẵng nên tiến độ xây dựng nhà máy đang bị chậm lại.

ĐC: 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ
22,4 tỷ VNĐ
Nhựa Bình Minh sở hữu
29%

5. Định hướng phát triển - Chiến lược từ 2022-2026:



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì vị trí dẫn đầu về thị phần tại Việt Nam.
- Áp dụng phương thức Vận hành xuất sắc trong sản xuất, đi đôi với Quản lý chuỗi cung ứng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Nắm bắt nhu cầu tiêu thụ trong nước và các cơ hội đầu tư phát triển hạ tầng tại các địa phương:
 - ▶ Củng cố mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và các đối tác kinh doanh.
 - ▶ Nâng cao hiệu quả của Chuỗi cung ứng.
- Nâng cao năng lực sản xuất và tỷ lệ sử dụng thiết bị thông qua nghiệp vụ quản lý chuỗi cung ứng:
 - ▶ Liên tục thúc đẩy quá trình tự động hóa để giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - ▶ Thực hiện hoạt động Cải tiến có tập trung và mô hình Tiểu ban phát triển kinh doanh phục vụ cho phương thức Vận hành xuất sắc.
 - ▶ Thực hiện công tác lập kế hoạch kết nối giữa bán hàng và sản xuất (S&OP) với hệ dữ liệu trực quan rõ ràng.
 - ▶ Mở rộng năng lực sản xuất.
- Tập trung cho Phát triển sản phẩm mới (NPD) để thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh vững vàng về:
 - ▶ Quy trình Phát triển sản phẩm mới và đưa vào thương mại.
 - ▶ Đa dạng hóa sản phẩm.

5. Định hướng phát triển - Chiến lược từ 2022-2026:

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Đối với sản xuất kinh doanh



- ▶ Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và xử lý nước thải.
- ▶ Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt các thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất, tiết kiệm nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- ▶ Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.
- ▶ Chống hàng giả, hàng nhái.

Đối với người lao động



- ▶ Đánh giá môi trường làm việc hằng năm để có các biện pháp cải tiến kịp thời.
- ▶ Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người lao động.
- ▶ Cử người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chuyên môn đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
- ▶ Nâng cao nhận thức của người lao động đối với việc tiết giảm năng lượng và gìn giữ môi trường.

Đối với môi trường



- ▶ Áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn mới nhất.
- ▶ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.
- ▶ Xây dựng hệ thống quan trắc và quản lý môi trường, giám sát đánh giá tác động đến môi trường.
- ▶ Xác định và đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường để từ đó có các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời áp dụng phân loại rác thải tại nguồn.
- ▶ Xây dựng đội ngũ và quy trình sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Đối với cộng đồng



- ▶ Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm với môi trường.
- ▶ Duy trì các hoạt động từ thiện thường xuyên như hiến máu nhân đạo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ, thương binh nặng, ủng hộ ngày lương cho quỹ hỗ trợ khó khăn...
- ▶ Nâng cao ý thức của người lao động đối với các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến Công ty:

➤ Rủi ro từ môi trường, hệ thống quản lý nội bộ Công ty



Hệ thống quản lý của Công ty được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và tích hợp mở rộng áp dụng thêm tiêu chuẩn ISO 17025:2017 trong năm 2021.

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai thêm các phần mềm/ công cụ quản lý tiên tiến như: ERP; CRM; HRM, SCM, Power BI, 5S, LEAN... và được tích hợp dần vào hệ thống quản lý đang có.

Tuy nhiên, các hoạt động tích hợp trong thời gian đầu có thể ảnh hưởng bất lợi cho quá trình vận hành do hệ thống mới chưa tương

thích hoàn toàn với hệ thống hiện có, cần thời gian để hệ thống tích hợp cải tiến dần dần đạt hiệu quả như mong muốn.

Đối với các quy định pháp luật về An toàn - Môi trường - Y tế thường xuyên được cập nhật và triển khai thực hiện đáp ứng. Nếu việc cập nhật các thay đổi không kịp thời có thể làm ảnh hưởng tới việc đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan hữu quan và việc khắc phục sự không phù hợp có thể làm gián đoạn quá trình vận hành.

➤ Rủi ro từ môi trường kinh doanh



Rủi ro về giá nguyên liệu:

Giá nguyên liệu chính tăng cao nhất trong lịch sử (tăng bình quân 160%), dẫn đến Công ty phải điều chỉnh giá bán đến 4 lần trong năm 2021. Tuy nhiên, vẫn không bù đắp được hoàn toàn chi phí sản xuất và bán hàng dẫn đến lợi nhuận không đạt so với kế hoạch năm 2021.

Rủi ro về lạm phát:

Do tình hình chiến tranh tại Châu Âu làm bất ổn xã hội dẫn đến tình trạng lạm phát trên toàn thế giới. Giá dầu tăng cao kéo theo giá nguyên vật liệu, bán thành phẩm... tăng dẫn đến chi phí sản xuất cao, nhiều công trình dự án bị đội giá

và đình trệ. Đời sống khó khăn dẫn đến nhu cầu xây dựng dân dụng giảm sút. Chi còn trông chờ vào đầu tư công và các dự án của chính phủ, tuy nhiên đây không phải lĩnh vực thế mạnh của BMP.

Rủi ro về cạnh tranh:

Các doanh nghiệp khác cùng ngành ngày càng tăng cường quảng bá, cạnh tranh giành giật khách hàng để tồn tại. Các doanh nghiệp yếu sẽ rời khỏi thị trường, các doanh nghiệp mạnh sẽ củng cố nội lực và gia tăng thị phần. BMP phải đề phòng sự cạnh tranh trong chính Hệ thống phân phối của mình.

➤ Rủi ro từ các yếu tố tài chính



Nhựa Bình Minh chỉ bao gồm một Công ty con và hai Công ty liên kết nên các hoạt động đầu tư tài chính, quản trị ngân sách dòng tiền... không gặp nhiều rủi ro thách thức. Tuy nhiên, khủng hoảng giá nguyên liệu đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả kinh doanh năm 2021. Các biện pháp quản lý rủi ro tài chính đang được Bình Minh thực hiện bao gồm:

- Thực hiện quản trị và kiểm soát theo các thủ tục, hướng dẫn thực hiện.
- Xây dựng quy trình hoạch định ngân sách thông qua các báo cáo quản trị.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và dòng tiền nhằm nâng cao hiệu quả tài chính.

➤ Rủi ro từ dịch bệnh



Do tình hình dịch bệnh Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguyên liệu, giãn cách xã hội làm đình trệ sản xuất và giảm sút cung ứng sản phẩm ra thị trường, dẫn đến giá nguyên liệu tăng, chi phí sản xuất tăng cao, trong khi sản lượng tiêu thụ giảm sút nghiêm trọng dẫn đến hoạt động SXKD bị thua lỗ trong Quý 3/2021.

➤ Rủi ro từ môi trường pháp lý

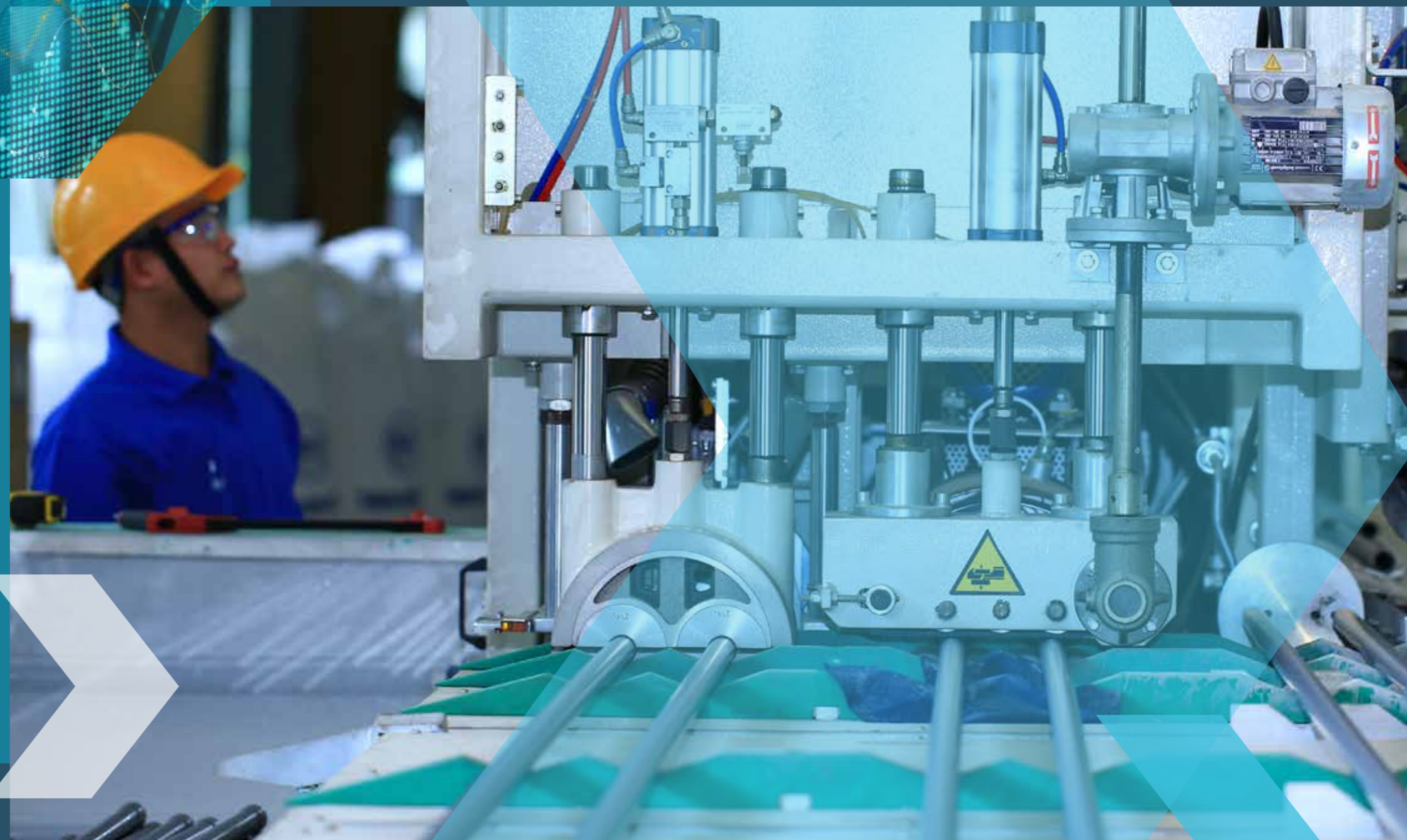


Các quy định pháp luật thường xuyên được cập nhật nhằm thực hiện tuân thủ, đây cũng là văn hóa quản trị của Nhựa Bình Minh.

Tuy nhiên, các văn bản này thay đổi liên tục, đặc biệt trong thời gian phòng chống dịch năm 2021, doanh nghiệp có thể chưa kịp cập nhật và triển khai kịp thời, có thể dẫn đến những rủi ro vi phạm nếu không am hiểu tường tận các quy định này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. 52
2. Tổ chức và nhân sự. 54
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án. 64
4. Tình hình tài chính. 66
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. 72
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty. 74



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2021, có 2 yếu tố nổi bật tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của BMP :

- ▶ Đại dịch Covid-19 kéo dài cả năm, đặc biệt nghiêm trọng trong quý 3. Covid-19 gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra tâm lý rất bất ổn cho Người lao động.
- ▶ Nguyên liệu không ổn định: Giá tăng rất cao và việc cung ứng có thời điểm bị gián đoạn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Đây chính là 2 nguyên nhân khách quan chính làm kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 không đạt kế hoạch và giảm sút so với kết quả năm 2020.

Số liệu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021

Stt	Chi tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện		Tỷ lệ %	
				2021	2020	2021/KH	2021/2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.200	4.565	4.700	88	97
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	115.000	92.565	110.574	81	84
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	657	268	657	41	41
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	523	214	523	41	41

2. Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban Điều hành cấp cao trong năm 2021



“

BMP vẫn đang duy trì vị thế dẫn đầu tại Việt Nam và mở rộng thị trường sang các khu vực khác của ASEAN bằng các mối quan hệ với những đối tác chiến lược của Công ty.

“

BMP cam kết với tầm nhìn vững trãi và rõ ràng của mình, Công ty sẽ dẫn đầu thị trường về các sản phẩm PVC tích hợp tại Việt Nam.



➤ Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

Quá trình công tác :

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch Công ty NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch Công ty NBM.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: **618.550 cổ phần.**

➤ Ông NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc
Kinh doanh - Tiếp thị.
Năm sinh: 1971
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên P. Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP.
- Năm 2006 -2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Tiếp thị - BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0 cổ phần.**

2. Tổ chức nhân sự (tt)

Danh sách Ban Điều hành cấp cao



“
**BMP liên tục thúc đẩy
 quá trình tự động hóa để
 giảm chi phí và nâng cao
 chất lượng sản phẩm.**”

Trong năm 2021, có một thay đổi đáng kể về nhân sự cấp cao. Một phó Tổng Giám đốc người Thailand là ông Wisit Rechaipichitgool đã được Tập đoàn SCG điều về Thái Lan làm việc. Thay thế vào đó, Hội đồng Quản trị BMP đã bầu một thành viên HĐQT mới là ông Chaowalit Treejak vào vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Hành chính.



➤ Ông NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất
 Năm sinh: 1968
 Trình độ: Kỹ sư Hóa,
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất - BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **11.709 cổ phần.**

➤ Ông WISIT RECHAIPICHITGOOL

Phó Tổng Giám đốc
 Tài chính - Hành chính
 Năm sinh: 1961
 Quốc tịch: Thái Lan
 Trình độ: Thạc sĩ Khoa học

Quá trình công tác:

- 1988: Chuyên viên phân tích Công ty SCC
- 1994: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất Công ty SFCC
- 1996: Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty SFC
- 1997: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TPC
- 2001: Trưởng phòng bán hàng Công ty TPC
- 2003: Trưởng phòng Kinh doanh ngành ống Công ty NPI
- 2005: Trợ lý Giám đốc Công ty Ricken-Thai
- 2006: Giám đốc Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TPC
- 2010: Giám đốc Thương mại Công ty TPC
- 2011: Giám đốc xuất khẩu Công ty SCG
- 2017: Trợ lý Giám đốc Công ty SCG-Viet Nam
- Từ tháng 08/2018 đến tháng 07/2022: Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0 cổ phần.**

2. Tổ chức nhân sự (tt)

Danh sách Ban Điều hành cấp cao



“

BMP vẫn kiểm soát được rủi ro tài chính, đứng vững và vượt qua được khó khăn trong đại dịch.

“

BMP Kiểm soát chặt chẽ chi phí và dòng tiền nhằm nâng cao hiệu quả tài chính.



➤ Ông CHAOWALIT TREEJAK

Phó Tổng Giám đốc Tài chính –
Hành chính
Năm sinh: 1966
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Cử nhân hóa

Quá trình công tác :

- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh xuất khẩu Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2002: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2003: Trưởng Phòng Kinh doanh – Tiếp thị Công ty Siam Maspion Polymers PT.
- 2006: Trưởng phòng Tiếp Thị Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- 2007: Giám đốc điều hành Công ty PT.TPC Indoplastic and Chemical
- 2010: Giám đốc kinh doanh nội địa Công ty SCG Chemicals Co., Ltd.
- 2017: Giám đốc kinh doanh xuất khẩu Công ty SCG Chemicals Co., Ltd.
- 2018: Giám đốc điều hành Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC.
- Từ tháng 07/2021: Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh - Thành viên HĐQT.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0 cổ phần.**

➤ Ông HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1966
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Thành viên HĐQT NBM.
- 2017 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Giám đốc DPC.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **03 cổ phần.**

2. Tổ chức nhân sự (tt)

Danh sách Ban Điều hành cấp cao

Những thay đổi về phòng ban chức năng :

Trong năm 2021, Công ty thành lập 2 phòng chức năng mới:

- Phòng Chuỗi cung ứng (SCM): Có chức năng lập kế hoạch và điều phối nguồn lực thực hiện xuyên suốt từ đầu vào đến đầu ra toàn Công ty.
- Phòng Năng suất và Cải tiến (OPI): Có chức năng nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, phương thức, thiết bị để tăng năng suất lao động và cải tiến các vấn đề cần thiết trong vận hành sản xuất.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động bình quân chính thức năm 2019: 1.374

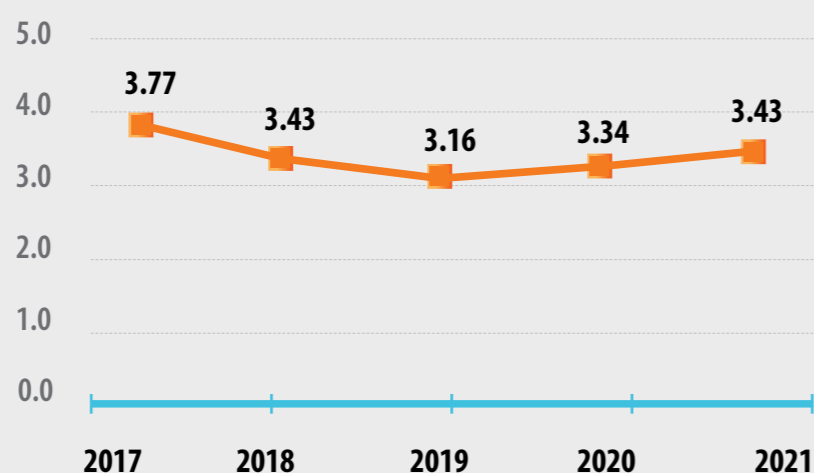
Lao động bình quân chính thức năm 2020: 1.407

Lao động bình quân chính thức năm 2021: 1.395

Năng suất lao động:

BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN

ĐVT: Tỷ đồng/Người/Năm

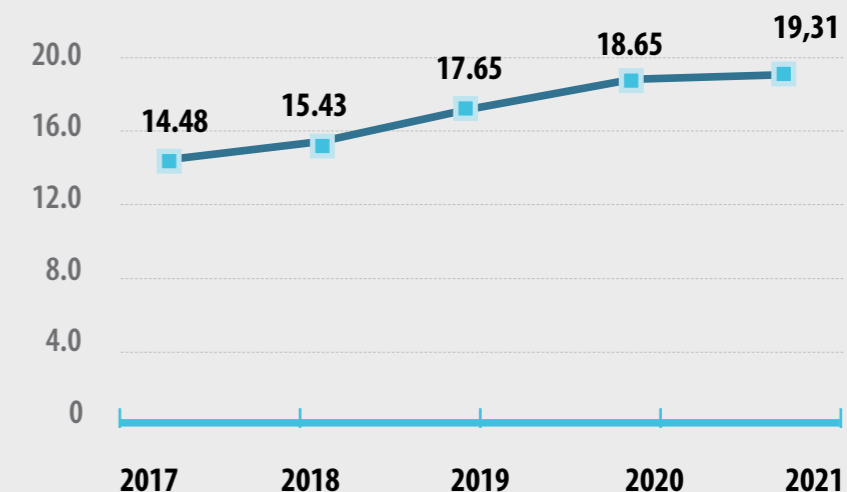


Năm 2021, đại dịch COVID-19 đã tác động nặng nề đến mọi mặt kinh tế và xã hội, những diễn biến phức tạp, biến động liên tục và bất thường đã tạo ra những khó khăn và thách thức cho mọi doanh nghiệp. Kinh tế tăng trưởng âm, chuỗi cung ứng đứt gãy, thiếu hụt lao động. Trong tình hình đó, Nhựa Bình Minh đã áp dụng linh hoạt các công cụ quản trị tiên tiến, có những điều chỉnh kịp thời nên vẫn giữ được mức năng suất lao động như năm 2020.

Lương bình quân của người lao động:

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN

ĐVT: triệu đồng/người/tháng

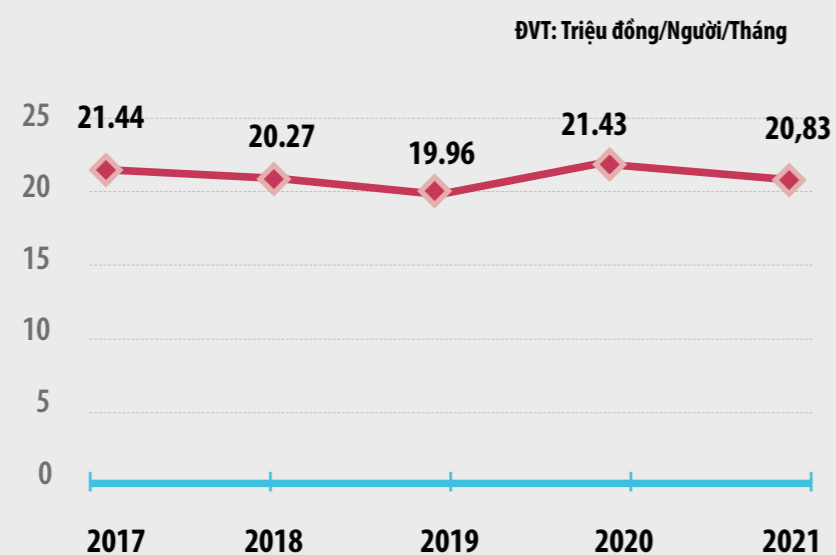


2. Tổ chức nhân sự (tt)

Mặc dù, hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn trong quý 3, nhưng Bình Minh vẫn cố gắng cân đối các nguồn tài chính, đảm bảo tiền lương người lao động tương đương với năm 2020, nhằm chia sẻ khó khăn với người lao động và bảo toàn nguồn nhân lực khi hoạt động sản xuất trở lại bình thường.

Thu nhập bình quân của người lao động:

BIỂU ĐỒ THU NHẬP BÌNH QUÂN



Để có thể duy trì mức tiền lương cho người lao động là sự nỗ lực tối đa của Công ty, chính vì vậy những chế độ thưởng như mọi năm Công ty không thể duy trì nên mức thu nhập bình quân của 2021 thấp hơn 2020.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Diễn giải
a	Hệ thống cấp liệu Hệ thống trộn nguyên liệu Thiết bị	Tỷ đồng	161	123	Chuyển từ KH năm 2020 sang
b	Thiết bị, máy móc Robot tự động hóa SX Phần cứng & phần mềm công nghệ thông tin	Tỷ đồng	96	74	Theo kế hoạch của năm 2021
Tổng cộng:			257	197	Hoàn thành 77%

b. Các Công ty con, Công ty liên kết:

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM):

TT	Chỉ tiêu	Năm		Tỷ lệ so sánh (%)
		2021	2020	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	405	346	117%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	32	67	48%

Năm 2021, tác động kép của dịch bệnh kéo dài, giá nguyên liệu chính tăng mạnh làm cho hoạt động kinh doanh của NBM tại thị trường Miền Bắc gặp rất nhiều khó khăn. Tuy doanh số Bình Minh Miền Bắc tăng 117% nhưng lợi nhuận chỉ bằng 48% so với năm 2020. Mặc dù, giá bán bình quân tăng nhưng không thể bù đắp được chi phí nguyên liệu tăng cao đột biến, biên lợi nhuận gộp giảm mạnh, chỉ đạt 15%.

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC):

TT	Chỉ tiêu	Năm		Tỷ lệ so sánh (%)
		2021	2020	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	49	67	73%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	6	10	60%



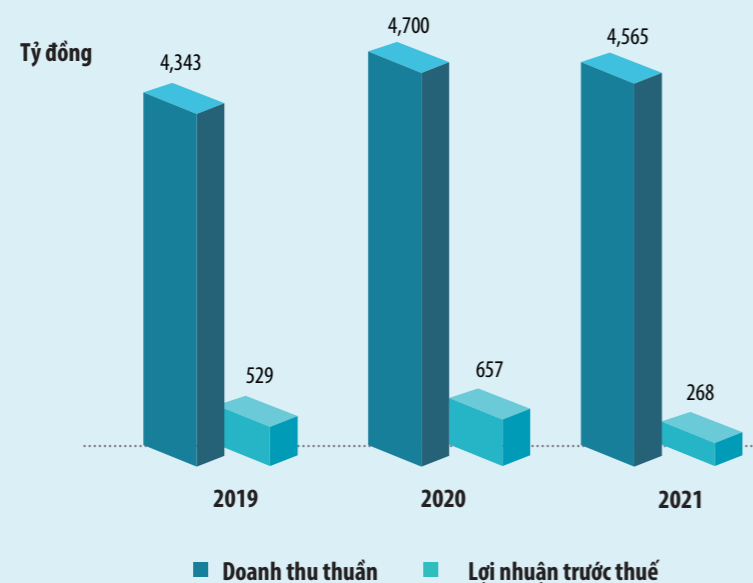
Năm 2021, Nhựa Đà Nẵng cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh, xã hội bị giãn cách làm hoạt động kinh doanh bị ngưng trệ. Hơn nữa, ảnh hưởng giá nguyên liệu tăng cao làm biên lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 60% so với năm 2020. Bên cạnh đó, DPC đang thực hiện di dời nhà máy mới nên cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt (BMV):

Hiện Công ty đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.

4. Tình hình tài chính

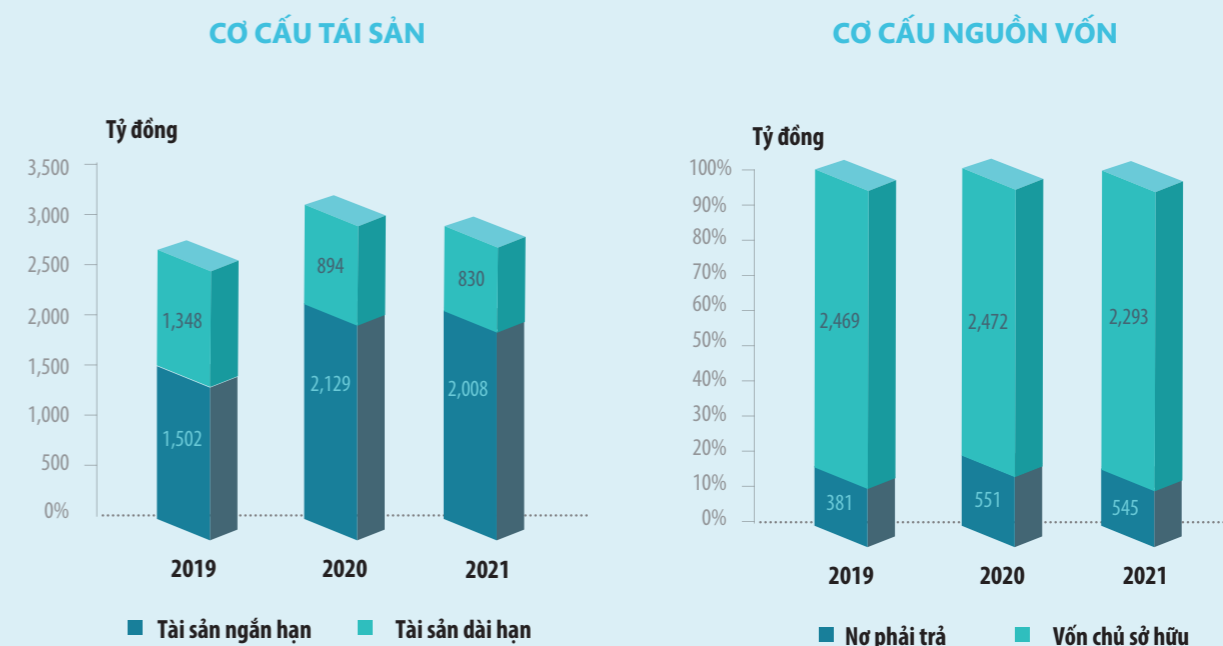
a. Doanh thu, lợi nhuận



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán 2019_2021

Năm 2021_một năm đầy khó khăn do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, doanh thu của Nhựa Bình Minh đạt 4.565 tỷ đồng, bằng 88% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 268 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch. Đây là năm Nhựa Bình Minh bị tác động kép bởi giá nguyên vật liệu tăng đột biến, đỉnh điểm gấp 2,1 lần so với giá nguyên liệu bình quân 2020, lệnh phong tỏa của Chính Phủ nhằm ngăn chặn Covid-19 làm cho hoạt động kinh doanh gặp khó khăn chồng chất. Trong bối cảnh ngành xây dựng bị ngưng trệ, kinh tế vô cùng khó khăn mà Nhựa Bình Minh vẫn đạt được kết quả này là nhờ vào nhiều yếu tố trong đó có nền tảng thương hiệu đã gầy dựng trong 44 năm qua, sự đồng lòng, kiên trì vượt khó của toàn thể Lãnh đạo Công ty và Người lao động.

b. Tài sản, nguồn vốn



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán 2019_2021

Tổng tài sản của BMP tại ngày 31/12/2021 đạt 2.838 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Về mặt cơ cấu, vốn lưu động tồn tại dưới dạng tiền mặt, tiền gửi kỳ hạn (chủ yếu 12 tháng trở xuống) giảm 30%, hàng tồn kho tăng 1,6 lần so với năm 2021.

Nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2021 của BMP đạt 2.293 tỷ đồng, giảm 178 tỷ đồng tương đương 7% so với cuối năm 2020, chủ yếu là do toàn bộ lợi nhuận 2020 được chi trả cổ tức cho cổ đông, không để lại tái đầu tư, mà thời gian thực hiện chi trả phần lớn vào năm 2021 nên ảnh hưởng đến nguồn vốn chủ sở hữu.

Tuy nhiên, Bình Minh luôn kiểm soát được rủi ro tài chính, đứng vững và vượt qua được khó khăn trong đại dịch nhờ hoạt động trên nguồn vốn tự có, chưa cần sự tài trợ từ bên ngoài, đây cũng là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

4. Tình hình tài chính (tt)

Tỷ suất sinh lời

Chỉ tiêu	2021	2020	2019
Biên lợi nhuận gộp	15,5%	26,6%	22,8%
Biên lợi nhuận trước thuế	5,9%	14,0%	12,2%
Biên lợi nhuận sau thuế	4,7%	11,2%	9,7%
ROA	7,3%	17,8%	14,9%
ROE	9,0%	21,2%	17,2%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán 2019_2021

Lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 41% so với năm ngoái nên tất cả các chỉ số đều giảm mạnh. Năm 2021, mặc dù Bình Minh đã qua 3 đợt tăng giá nhưng vẫn không thể bù đắp chi phí do nguyên vật liệu tăng quá cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã mất thêm chi phí cho công tác phòng chống dịch, chi phí hỗ trợ người lao động do bị bệnh, ngừng việc... làm cho lợi nhuận giảm.

Hiệu suất hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2021	2020	2019
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	20	23	33
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	17	14	13
Số ngày lưu kho	Ngày	48	45	56
Vòng quay tài sản cố định	Lần	10,0	7,9	5,6
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,6	1,6	1,5

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán 2019_2021



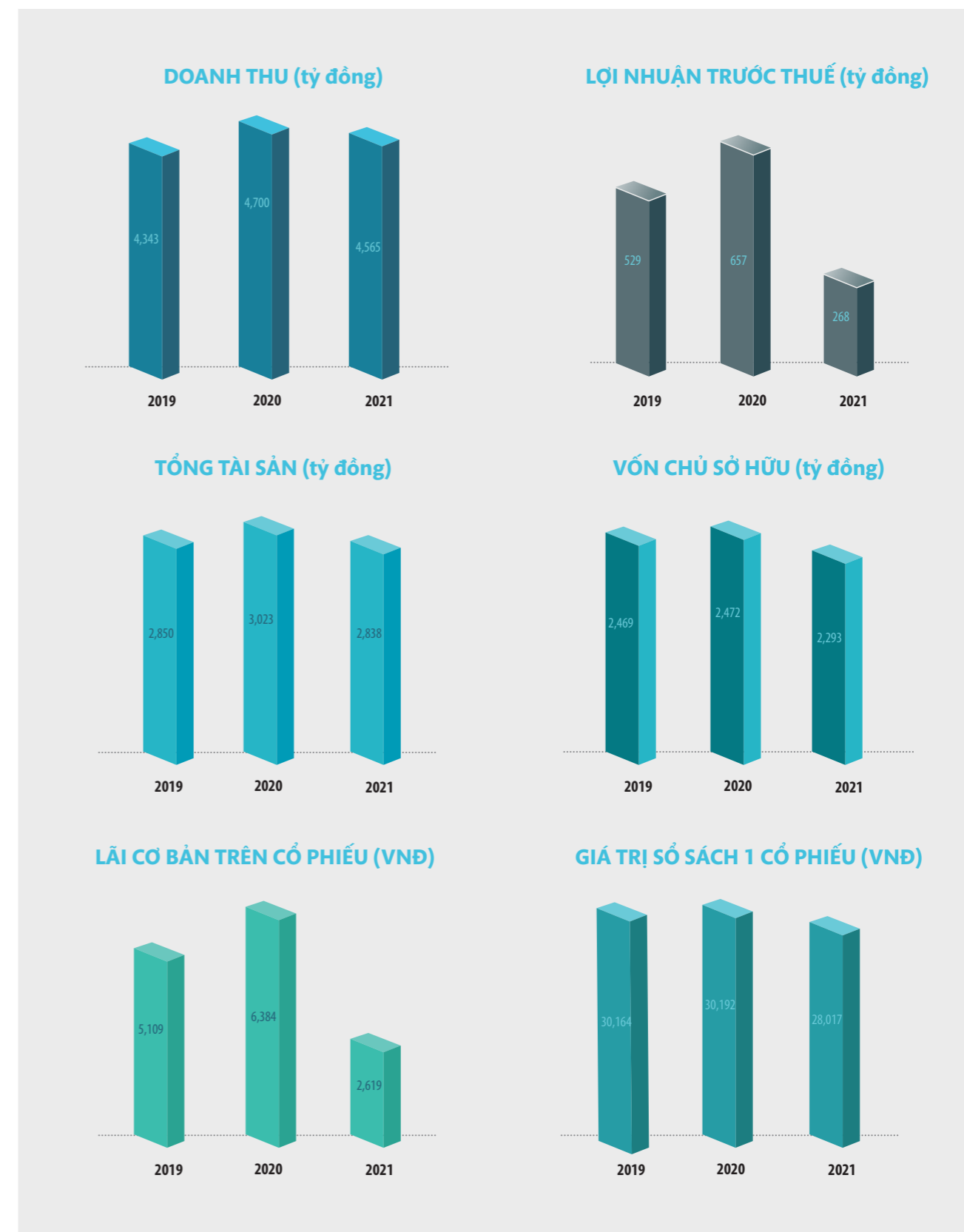
Cùng với việc áp dụng các mô hình quản trị hiện đại vào doanh nghiệp, Nhựa Bình Minh đang dần hoàn thiện từng ngày để kiểm soát hoạt động thông qua các chỉ số về năng lực hoạt động đã được cải thiện đáng kể. Các dự án Lean, 5S, quản trị chuỗi cung ứng đã vận hành, từng bước thể hiện những điểm tích cực trong quản lý. Hiện tại, Bình Minh vẫn đang tiếp tục triển khai các dự án nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

4. Tình hình tài chính (tt)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	2019	2020	2021
Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)			
Doanh thu	4.343	4.700	4.565
Doanh thu thuần	4.337	4.686	4.553
Lợi nhuận gộp	988	1.247	704
Chi phí hoạt động	387	549	369
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	601	698	335
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	(73,8)	(45,6)	(65,4)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	0,7	2,3	(3,6)
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	1,5	1,7	2,3
Lợi nhuận trước thuế	529	657	268
Lợi nhuận sau thuế	423	523	214
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)			
Tổng tài sản	2850	3023	2838
Vốn điều lệ	819	819	819
Vốn chủ sở hữu	2469	2472	2293
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Biên lợi nhuận gộp	22,8%	26,6%	15,5%
Biên lợi nhuận trước thuế	12,2%	14,0%	5,9%
ROS	9,8%	11,2%	4,7%
ROA	14,9%	17,8%	7,3%
ROE	17,2%	21,2%	9,0%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	81.860.938	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VNĐ	5.109	6.384	2.619
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu - VNĐ	30.164	30.192	28.017
Cổ tức - VNĐ	5.000	6.320	1.250
Giá thị trường thời điểm cuối năm - VNĐ	45.200	62.600	59.900

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán 2019_2021



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021
Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.848.968	81.860.938
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0



b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Thời điểm 31/12/2020		Thời điểm 31/12/2021	
	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
Cổ đông Nhà nước	19,983	0.024%	19,983	0.024%
Hội đồng Quản trị	618,550	0.756%	618,550	0.756%
Ban Kiểm soát	14,040	0.017%	14,040	0.017%
Cá nhân trong nước	12,928,024	15.793%	10,916,877	13.335%
Tổ chức trong nước	1,397,841	1.708%	1,045,733	1.277%
Cá nhân nước ngoài	918,604	1.122%	1,144,249	1.398%
Tổ chức nước ngoài	65,963,896	80.580%	68,101,506	83.192%
Tổng cộng	81,860,938	100.00%	81,860,938	100.00%

Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2021:

Stt	Tên đơn vị	Loại cổ đông	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	KWE BETEILIGUNGEN AG	Tổ chức Nước ngoài	8,604,408	10.511%
2	NAWAPLASTIC INDUSTRIES CO., LTD.	Tổ chức Nước ngoài	44,525,911	54.392%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

a. Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

Với thiết bị và công nghệ sản xuất hiện đại kết hợp mô hình tự động hóa cao, Nhựa Bình Minh không có phát thải khí nhà kính trực tiếp.

Tuy nhiên, nguồn khí phát thải tạo điện năng tại các nhà máy phát điện Quốc Gia có thể được xem là khí phát thải gián tiếp của Công ty do nguồn năng lượng sử dụng tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng được mua từ các Công ty Điện lực Quốc Gia.

b. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Ý thức được nguồn phát thải khí nhà kính gián tiếp do việc sử dụng điện năng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã ban hành và duy trì chính sách môi trường bao gồm các hoạt động cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, chính sách này đã được mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua với nhiều hiệu quả.

Theo đó, Nhựa Bình Minh đã tiến hành thực hiện và duy trì các hoạt động:

- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ Người lao động.
- Kiểm toán năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm điện như: Lắp biến tần và servo cho động cơ chính của thiết bị sản xuất, lắp bảo ôn cho các thùng làm nguội, kiểm soát máy làm lạnh nước tại các hồ tuần hoàn,....
- Ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)



6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chính:

Năm 2021, tổng lượng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 98.145 tấn.

Trong đó, BMP sử dụng: 89.723 tấn và NBM là 8.422 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được sử dụng tái chế để sản xuất sản phẩm:

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu tái chế từ sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất tại Công ty, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài.

Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Toàn bộ sản phẩm Nhựa Bình Minh đã sử dụng hoàn toàn hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người sử dụng, thân thiện với môi trường.

Sản phẩm ống Nhựa Bình Minh được Tổ chức WRASS (Anh Quốc) cấp chứng nhận: Sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu phù hợp cho dẫn nước uống và nước sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế, được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) chứng nhận quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng. Nguồn điện này được mua từ các Công ty Điện lực Quốc Gia.

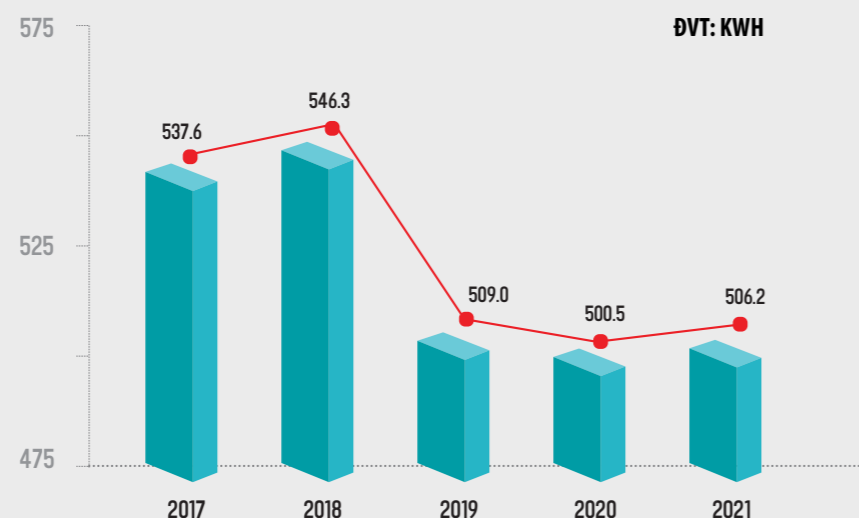
Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty tiếp tục duy trì chính sách môi trường bao gồm các hoạt động cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, chính sách này đã được mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện với nhiều hiệu quả trong nhiều năm qua.

Tuy nhiên, khoảng thời gian giãn cách trong năm 2021 theo quy định của chính phủ, Công ty đã gián đoạn sản xuất và sau đó triển khai hoạt động 3 tại chỗ, chính các yếu tố này đã ảnh hưởng đến mục tiêu giảm suất tiêu hao điện năng toàn Công ty.

Các kết quả ghi nhận so với những năm trước như sau:



Suất điện năng tiêu thụ năm 2021: 506,2 KWH cho mỗi tấn sản phẩm, tăng 1,1 % so với 2020.

Nguyên nhân: Các hoạt động tắt mở thiết bị ở tần suất cao, thay đổi chủng loại sản phẩm sản xuất liên tục trong khoảng thời gian 3T, duy trì các thiết bị chiếu sáng, PCCC, ... đã tiêu tốn một lượng điện khá lớn trong thời gian giãn cách làm suất tiêu thụ điện năng 2021 tăng thêm 1.1% so với 2020.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2021, Công ty đã ghi nhận 50 sáng kiến các loại với tổng số tiền làm lợi lên đến hơn 17 tỷ đồng.

Các sáng kiến này đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động tiết kiệm năng lượng điện như: Lắp đặt Servo, rút ngắn thời gian gia nhiệt ban đầu cho khuôn, cải tiến tinh giàn quy trình gọn hơn... Các giá trị do tiết kiệm năng lượng trực tiếp và gián tiếp trong các sáng kiến này đã góp tạo nên tổng số hiệu quả làm lợi như đã nêu ở trên.

d. Các hoạt động liên quan đến sử dụng nguồn năng lượng tái tạo:

Do đặc thù công nghệ sản xuất, nguồn năng lượng tiêu thụ tại Công ty (điện năng) chưa thể tái tạo.

Tuy nhiên, Công ty cũng đã có các hoạt động nhằm tiết giảm tối đa năng lượng tiêu thụ thông qua các giải pháp cải tiến nhằm tiết giảm đạt tối ưu lượng điện tiêu thụ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

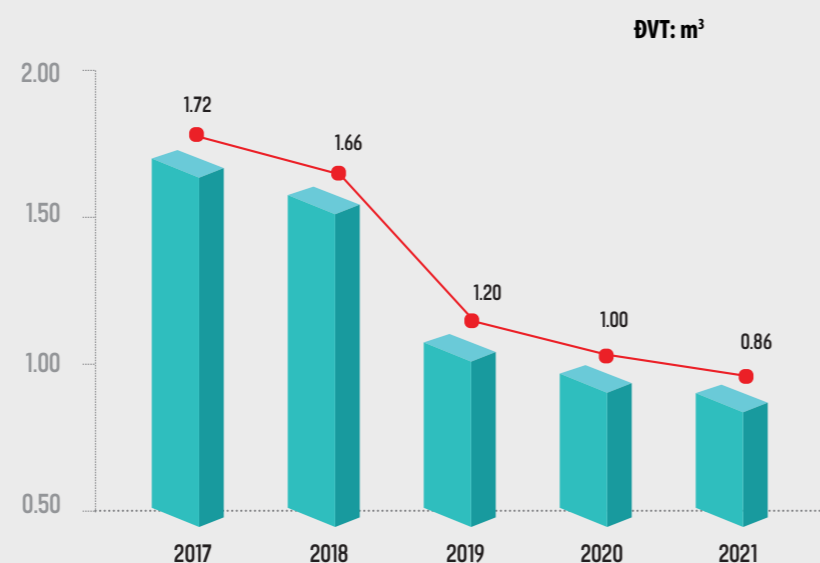
6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước như: Sawaco, Biwase, ...

Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm đối đa đối với lượng nước sử dụng.

Năm 2021, các ghi nhận về suất tiêu thụ nước như sau:



Suất nước tiêu thụ năm 2021 giảm chỉ còn: 0,86 m³ cho mỗi tấn sản phẩm, cũng là giá trị thấp nhất trong các năm từ 2017-2021. Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất nước tiêu thụ năm 2021 so với 2020:	14,6	%
Lượng nước tiêu thụ năm 2021 tiết giảm tương đương:	13.679	m ³
Đơn giá bình quân năm 2020 tại Công ty:	15,197	đồng/m ³
Tổng tiền tiết kiệm:	207.880.000	Đồng

Bên cạnh các giải pháp tiết kiệm nước tiêu thụ đã triển khai trong 2021, Công ty có trải qua giai đoạn ngừng sản xuất và giai đoạn hoạt động theo mô hình 3 Tại chỗ (chỉ sản xuất khoảng 20-50% so với sản lượng sản xuất cùng kỳ), các giai đoạn này đã tiết giảm lượng nước sinh hoạt và lượng nước sản xuất, góp phần giảm suất tiêu thụ nước trong năm 2021.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước.

Nguồn nước được Công ty sử dụng cho các mục đích:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nước sử dụng tại Công ty. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt này được xử lý đáp ứng theo quy định của pháp luật.
- Nước dùng cho sản xuất: Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nước sử dụng tại Công ty.

Tuy nhiên, toàn bộ 100% lượng nước thải dùng cho sản xuất này đều được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty rất quan tâm đến các hoạt động bảo vệ môi trường, cải thiện môi trường lao động ngày càng tốt hơn và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

Công ty đã áp dụng và duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, được Quacert đánh giá giám sát định kỳ và duy trì chứng nhận. Với hệ thống quản lý này, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại nhiều hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

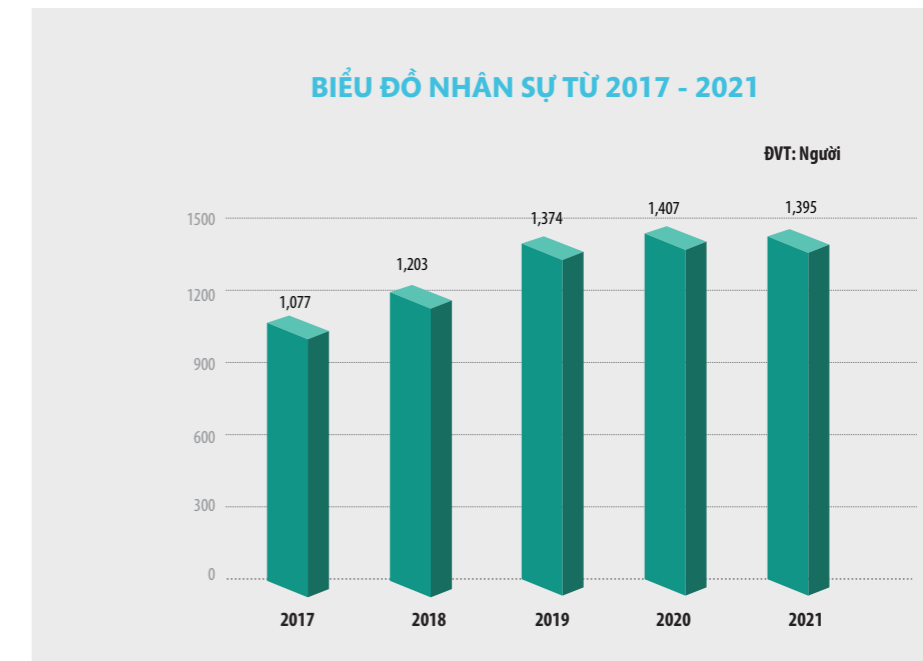
Theo đó: Các hoạt động đo đạc quan trắc môi trường và đo kiểm vi khí hậu môi trường lao động theo quy định pháp luật đều được thực hiện bởi đơn vị có thẩm quyền. Tất cả các chỉ tiêu đều có kết quả trong giới hạn cho phép và Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận vi phạm liên quan đến các quy định của Luật pháp về bảo vệ môi trường trong năm 2021.

Vì vậy dẫn đến kết quả:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động



Nhựa Bình Minh luôn chú trọng hoạt động nghiên cứu và phát triển, cải tiến, đẩy mạnh áp dụng tự động hóa vào trong quy trình sản xuất, bố trí lao động hợp lý nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục duy trì cơ số lao động ở mức hợp lý.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Đại dịch Covid-19, bùng phát nhanh và nguy hiểm, với mục tiêu đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch bệnh cấp bách, mạnh mẽ, quyết liệt và chưa từng có tiền lệ. Công ty đã:

- Thành lập ngay Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 để thực hiện việc tuyên truyền, vận động NLD có ý thức ngăn ngừa phòng, chống dịch bệnh lây lan trong cộng đồng cũng như theo dõi, bám sát tình hình dịch bệnh để kịp thời đưa ra các yêu cầu và phương án phòng, chống dịch bệnh như khai báo y tế, kiểm soát lộ trình di chuyển, phân chia các khung giờ, nhóm làm việc tại nhà hoặc trực tiếp tại Công ty...
- Công ty cũng không ngần ngại trang bị ngay các phương tiện, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng chống dịch cho người lao động như: máy phun khử khuẩn; khẩu trang, nước rửa tay sát khuẩn, mặt nạ chống giọt bắn, lắp đặt tấm ngăn để tạo khoảng cách trong khi làm việc ...
- Bộ phận y tế Công ty thường xuyên theo dõi, giám sát sức khỏe NLD và thực hiện việc test nhanh với tần suất nhiều hơn quy định để kịp thời phát hiện những trường hợp có dấu hiệu nhiễm bệnh để từ đó có những biện pháp y tế kịp thời.
- Ban Lãnh đạo Công ty đã tích cực làm việc với các cơ quan ban ngành từ thành phố đến địa phương để người lao động có thể được chích ngừa đầy đủ trong thời gian sớm nhất có thể. Và trong các doanh nghiệp tại TP.HCM thì Bình Minh có tỷ lệ lao động được chích ngừa sớm nhất, tỷ lệ người lao động của Công ty đã chích mũi 3 là hơn 96%.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)



Song song với việc phòng, chống dịch, Công ty vẫn chú trọng đến chế độ phúc lợi cho người lao động kịp thời hỗ trợ, tiếp sức cho người lao động vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống để cùng đồng hành với Công ty, cùng hướng đến mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, Cụ thể:

- Khi Công ty phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Chính phủ, chỉ có thể bố trí việc làm cho 30% lao động, 70% lao động còn lại phải ngừng việc nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì mức tiền lương tối thiểu hằng tháng cho người lao động, không để cho người lao động rơi vào tình trạng khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện các khoản trợ cấp thêm để giảm bớt khó khăn cho người lao động, bình quân mỗi người lao động được nhận hơn mức lương tối thiểu là 40%.
- Với lực lượng lao động làm việc, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo mức lương như trong điều kiện bình thường, nhất là đối với lực lượng lao động theo hình thức 03 tại chỗ “3T”, thì ngoài tiền lương, Công ty còn thực hiện thêm chế độ trợ cấp hằng ngày kể cả những ngày nghỉ cùng với việc thực hiện chăm lo đời sống, ăn uống, sinh hoạt đầy đủ để người lao động có thể thoải mái như ở nhà, an tâm sản xuất.
- Công ty cũng không ngần ngại trong việc bỏ ra các chi phí xét nghiệm, thuốc men hay trợ cấp cho những trường hợp người lao động bị F0, F1.
- Bộ phận Nhân sự Công ty còn phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn để thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động từ những gói hỗ trợ của Chính phủ, Công đoàn để người lao động có thể hưởng được các quyền lợi từ những gói hỗ trợ này trong thời gian sớm nhất.

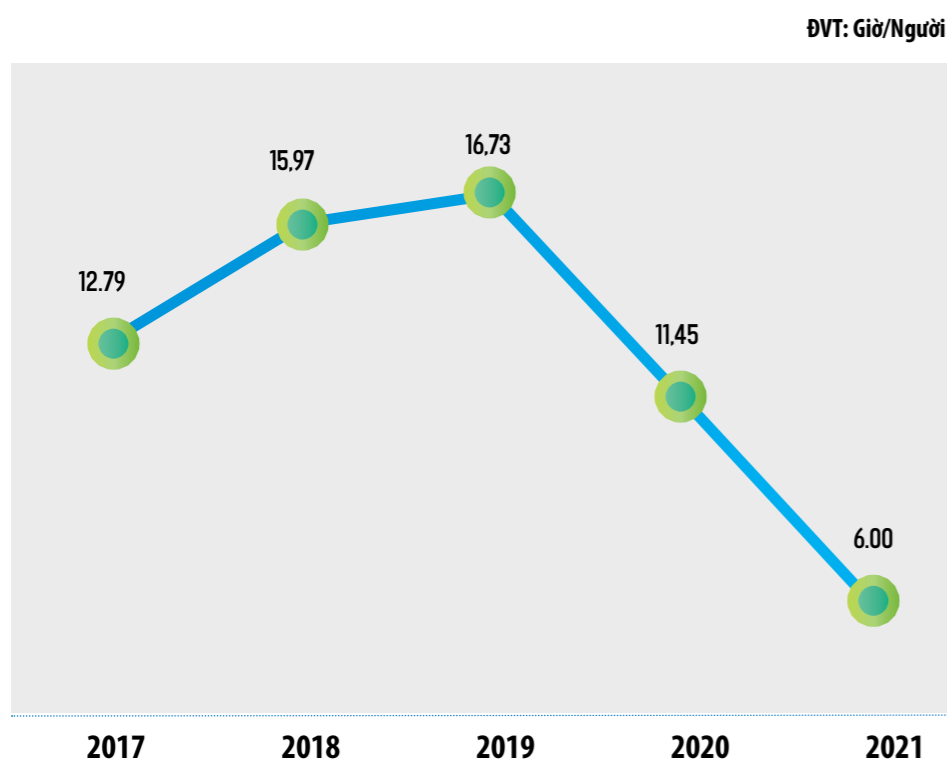
Công ty luôn ý thức được rằng yếu tố quan trọng để đảm bảo Công ty phát triển bền vững là nguồn nhân lực vì vậy việc chú trọng đến sức khỏe, an toàn cũng như quan tâm đến chế độ, chính sách phúc lợi cho người lao động đã giúp cho Công ty có thể huy động toàn bộ 100% nguồn lực khi tái lập lại hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh và cũng theo quy định của Chính phủ yêu cầu hạn chế tập trung đông người, do vậy để đảm bảo trong công tác phòng chống dịch bệnh, các hoạt động đào tạo được cân nhắc rất kỹ. Từ hình thức tổ chức đào tạo tập trung, Công ty đã chuyển qua hình thức đào tạo trực tuyến nhằm đảm bảo duy trì chất lượng nguồn nhân lực của Công ty, tuy nhiên hoạt động đào tạo vẫn còn bị ảnh hưởng nhiều.

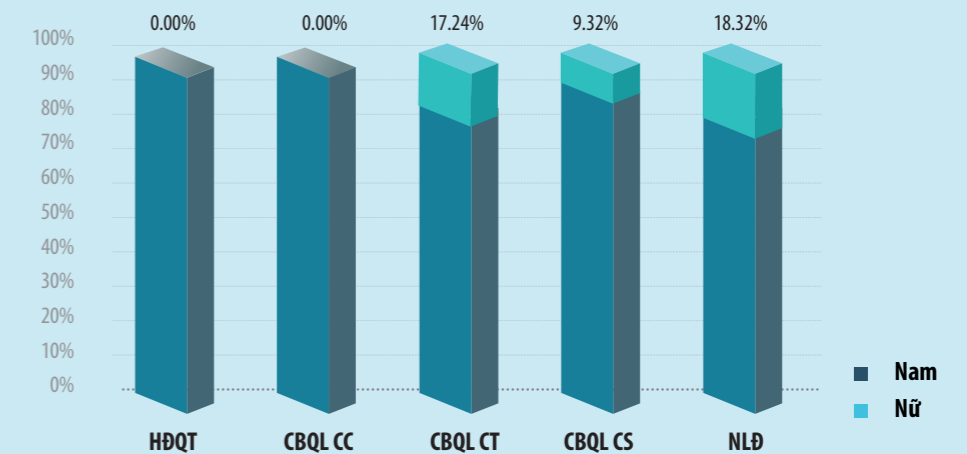
BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH



d. Các chính sách liên quan đến bình đẳng

Số liệu Tỷ lệ giới trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLD:

BIỂU ĐỒ TỶ LỆ GIỚI NĂM 2021

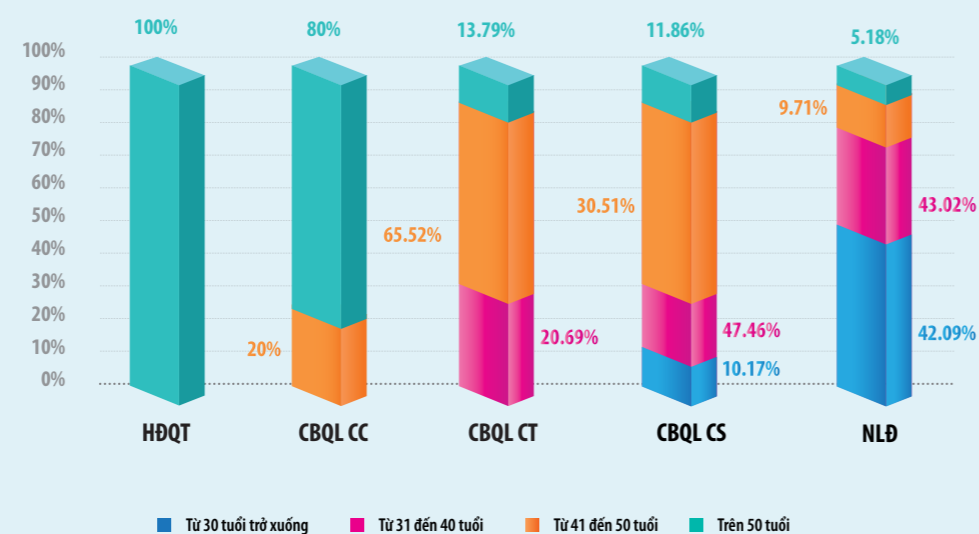


Đặc thù của Nhựa Bình Minh là hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên tỷ lệ nữ giới khá khiêm tốn trong lực lượng lao động nói chung và quản lý nói riêng, nhưng vấn đề bình đẳng giới luôn được các cấp lãnh đạo đặc biệt chú trọng, điều đó được thể hiện qua sự tham gia của nữ giới trong cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở. Các chế độ và hoạt động liên quan đến nữ giới vẫn được Công ty duy trì thực hiện như ngày 8/3, 20/10 hằng năm.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

- Số liệu liên quan độ tuổi trong HĐQT, trong Cán bộ quản lý các cấp, trong NLĐ:

BIỂU ĐỒ ĐỘ TUỔI NĂM 2021



Với định hướng sẽ tạo nguồn và trẻ hóa nguồn lực quản lý, Công ty đã tăng cường bổ sung lớp trẻ vào nhóm quản lý cấp cơ sở để từ đó tạo nguồn cho nhóm quản lý cấp trung và cấp cao.

Nguồn lực chính của Bình Minh ở độ tuổi từ 18 tuổi đến 40 tuổi chiếm đến 85%, điều này cho thấy Bình Minh đang có được lực lượng lao động trẻ hùng hậu, dễ dàng tiếp thu, sáng tạo là nền tảng giúp Công ty ngày càng phát triển.

- Các hoạt động, chính sách đảm bảo, cải thiện về bình đẳng giới, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng thuộc các nhóm số ít, yếu thế trong Công ty:

Tại Bình Minh, các mục tiêu bình đẳng giới luôn nhận được sự quan tâm sát sao của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như của các tổ chức Đoàn thể. Hệ thống chế độ, chính sách của Công ty không ngừng được hoàn thiện với mục tiêu đặt ra là: Đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty.

- ▶ Trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty luôn căn cứ vào tiêu chuẩn công việc, năng lực của mỗi cá nhân để thực hiện.
- ▶ Trong chính sách, phúc lợi khác, giữa lao động nam và nữ đều được đối xử bình đẳng về việc làm, tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.
- ▶ Thực hiện truyền thông, tổ chức tập huấn hoặc các buổi hội thảo, chuyên đề về: bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, quấy rối tình dục... để người lao động nâng cao nhận thức, hiểu biết về thực hiện chính sách của Công ty.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (tt)

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong điều kiện rất khó khăn về sản xuất kinh doanh và tình trạng dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty đã cố gắng tổ chức được một số hoạt động mới thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, địa phương, nổi bật là:

Stt	Hạng mục đã thực hiện đầu tư trong năm 2021	Thành tiền (VNĐ)
1	Doanh nghiệp đồng hành cùng Thành phố chống dịch Covid-19 (Thực hiện cùng Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM - HUBA).	300.000.000
2	Hỗ trợ lương thực cho Đồng bào trong khu vực cách ly do do Covid-19 tại các địa bàn có các nhà máy trú đóng.	154.000.000
3	Tặng sản phẩm 200 bình xịt hóa chất diệt Covid-19 cho các đơn vị y tế.	39.000.000
4	Phụng dưỡng suốt đời 2 Mẹ Việt Nam Anh hùng và 1 Thương binh nặng 12.000.000 đồng/người/năm.	36.000.000
5	Nhận hỗ trợ 4 bé mồ côi đi học đến khi 18 tuổi (có ba, mẹ mất do Covid-19 và tai nạn): 8.400.000 đồng/bé/năm.	33.600.000
6	Hỗ trợ Quỹ vì người nghèo tại các địa phương có các nhà máy trú đóng các dịp Lễ, Tết...	50.000.000
7	Hỗ trợ các gia đình NLD gặp khó khăn trong dịch bệnh.	1.170.000.000
Tổng cộng:		1.782.600.000

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội rất ý nghĩa thông qua hành động thiết thực giúp cộng đồng địa phương trong thời gian giãn cách xã hội chống Covid-19, cụ thể như:

- Hỗ trợ nhân công và thiết bị xếp dỡ và bảo quản hàng cứu trợ của địa phương, tổng cộng gần 30 tấn hàng hóa.
- Hỗ trợ nhân công, phương tiện giúp chính quyền các địa phương đi trao hàng hóa cứu trợ cho các hộ gia đình bị cách ly: 6 chuyến xe phân phối hàng cứu trợ đến hơn 1000 hộ gia đình.



- Trang bị khẩu trang, dung dịch diệt khuẩn, các gói thuốc cá nhân để điều trị phòng chống tác hại khi nhiễm Covid-19, một số vật tư để cảnh báo cách ly... cho các hộ dân xung quanh khu vực công ty khi họ có nhu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. 96
- 2. Tình hình tài chính. 100
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. 101
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai. 102
- 5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán. 103
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty. 104



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đặc điểm tình hình

➤ THUẬN LỢI:

- ▶ Sản phẩm và thương hiệu công ty được tin cậy cao nên dù thị trường có khó khăn do đại dịch Công ty vẫn duy trì được cơ hội bán hàng tốt hơn các đối thủ khác.
- ▶ Công ty duy trì chính sách nhất quán và nỗ lực tối đa trong hoạt động hỗ trợ khách hàng nên Hệ thống phân phối (HTPP) vẫn duy trì hoạt động ổn định.
- ▶ Trong hoàn cảnh khó khăn đội ngũ Người lao động đã thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chia sẻ để cố gắng cùng công ty vượt qua.



➤ KHÓ KHĂN:

- ▶ Đại dịch Covid-19 kéo dài và nghiêm trọng tạo ra tâm lý rất bất ổn, gây ra những ảnh hưởng làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ▶ Giá nguyên liệu tăng cao, diễn biến bất thường trong năm.
- ▶ Hoạt động logistic bị gián đoạn gây ra những khó khăn cho cả hoạt động cung ứng và tiêu thụ.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

- ▶ Xem thêm bảng số liệu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021 ở trang 53.
- ▶ Từ đặc điểm tình hình đã phân tích ở trên, có thể thấy năm 2021 là một năm cực kỳ khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và cho Công ty nói riêng, vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh xét trên các chỉ tiêu Doanh thu, Sản lượng và Lợi nhuận đều không đạt kế hoạch (cụ thể Doanh thu chỉ đạt 88%, Sản lượng chỉ đạt 81%, Lợi nhuận chỉ đạt 41%).
- ▶ Ban điều hành đã cố gắng hết sức để thực hiện được nhiều chương trình, phát huy thuận lợi và khắc phục khó khăn như:



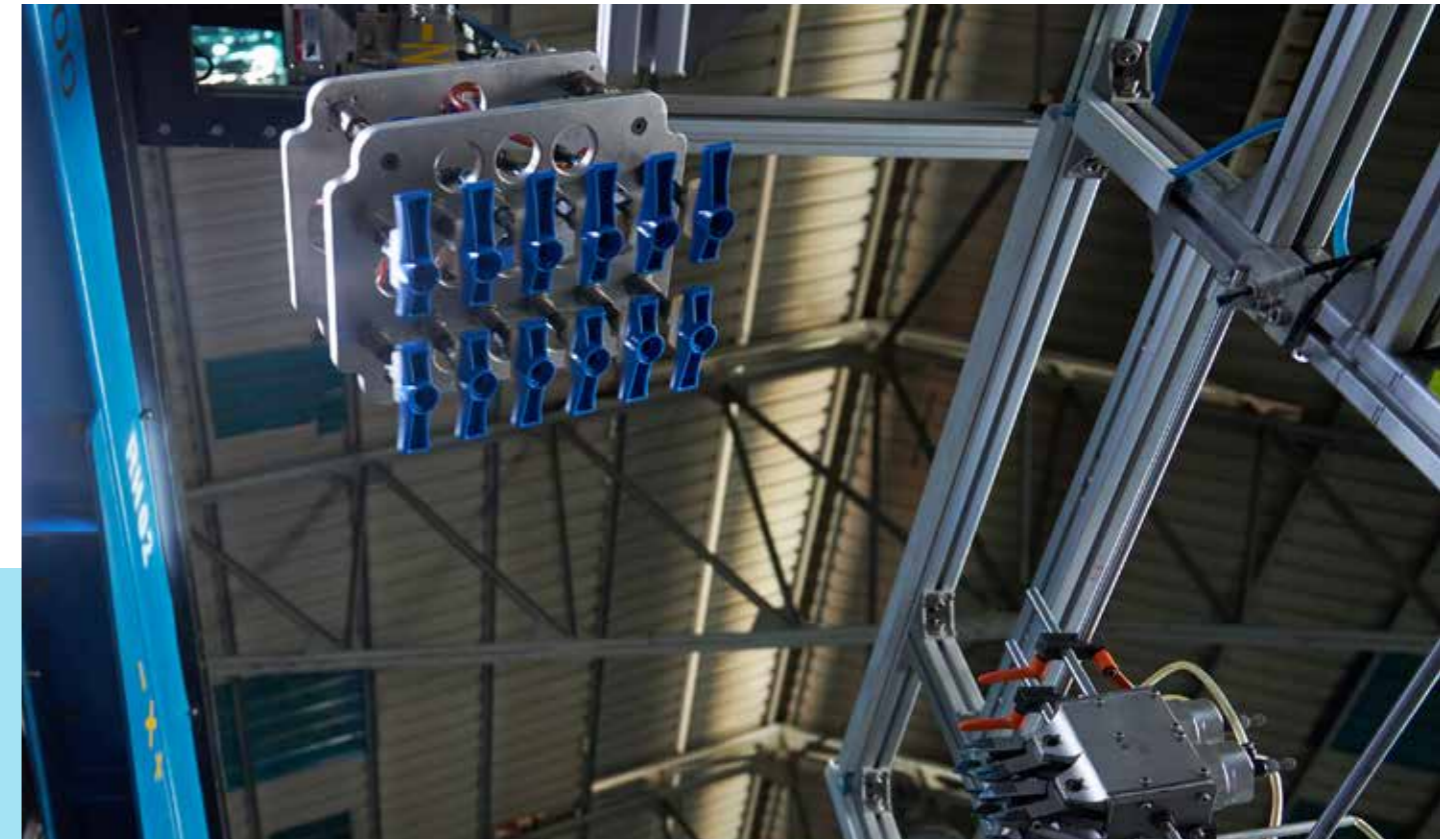
ĐÃ THỰC HIỆN RẤT TỐT các vấn đề:

- ▶ An toàn trong đại dịch Covid, bảo toàn 100% lực lượng lao động. Đến nay đã có 100% NLĐ được tiêm đủ vaccine mũi 3.
- ▶ Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ thông qua các công cụ như 5S, OPI, SCM, LEAN, SHE. Đặc biệt là ứng dụng Chuyển đổi SỐ, SCM và Tự động hóa.
- ▶ Hoạt động sáng kiến cải tiến và tiết kiệm chi phí đạt hiệu quả cao.



ĐÃ THỰC HIỆN KHÁ TỐT các vấn đề:

- ▶ Tiến độ đầu tư máy móc, thiết bị có bị ảnh hưởng nhưng cơ bản vẫn được đảm bảo theo tiến độ.
- ▶ Công ty thực hiện được việc xem xét và cải tiến các hoạt động quản lý nội bộ, cấu trúc lại tổ chức theo định hướng hợp lý và hiệu quả hơn.
- ▶ Duy trì ổn định Hệ thống phân phối và tiếp tục hoạt động kinh doanh có hiệu quả khi thị trường được tái lập.



- Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn tồn tại vấn đề CẦN CẢI THIẾN là: Chính sách điều chỉnh giá bán còn quá thận trọng nên dù có tác động tốt đến việc giữ sản lượng, doanh thu không giảm sút quá lớn nhưng cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.
- Riêng về chỉ tiêu lợi nhuận sụt giảm 59% so với kế hoạch 2021, Ban Điều hành đánh giá có sự tác động từ các nguyên nhân chủ yếu là:
 - Giá nguyên liệu tăng cao bất thường.
 - Ảnh hưởng của đại dịch nên nhu cầu thị trường giảm mạnh.
 - Công ty phải duy trì giá bán hợp lý để tăng khả năng tiêu thụ, giữ thị phần nên việc điều chỉnh giá chậm có thể làm lợi nhuận bị ảnh hưởng.

2. Tình hình tài chính:

Công ty vẫn kiểm soát được rủi ro tài chính, đứng vững và vượt qua được khó khăn trong đại dịch nhờ hoạt động dựa trên nguồn vốn tự có, chưa cần sự tài trợ từ bên ngoài. Đây cũng là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững trong giai đoạn hiện nay. (Xem thêm số liệu và phân tích tài chính từ trang 66 đến trang 71)

a. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của BMP tại ngày 31/12/2021 đạt 2.838 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn năm 2021, thì tỷ lệ giảm này là có lý do hợp lý.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tại thời điểm cuối năm 2021, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn ở mức an toàn (545 tỷ đồng / 2293 tỷ đồng), không biến động nhiều so với thời điểm cuối năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2021, Công ty thành lập 2 phòng chức năng mới:

- Phòng Chuỗi cung ứng (SCM): Có chức năng lập kế hoạch và điều phối nguồn lực thực hiện xuyên suốt từ đầu vào đến đầu ra toàn công ty.
- Phòng Năng suất và Cải tiến (OPI): Có chức năng nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, phương thức, thiết bị để tăng năng suất lao động và cải tiến các vấn đề cần thiết trong vận hành sản xuất.

Đây là 2 bộ phận mới nhằm phục vụ cho mục tiêu chiến lược: Áp dụng phương thức vận hành xuất sắc trong sản xuất, đi đôi với quản lý chuỗi cung ứng.



4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:



Cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Củng cố các mối quan hệ trong kinh doanh
- Nâng cao hiệu quả quản lý Chuỗi cung ứng (SCM)
- Ứng dụng mô hình vận hành tinh gọn (Lean) & tự động hóa trong sản xuất (Automation)
- Triển khai thực hiện các dự án cải tiến có tập trung (FI project)
- Nghiên cứu và triển khai áp dụng quy trình phát triển sản phẩm mới (NPD process)
- Tăng cường cho các Bộ phận có chức năng hỗ trợ (Nhân sự - HR, An toàn - Sức khỏe - Môi trường - SHE, Công nghệ thông tin - IT, Quản lý rủi ro - Risks)

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, các chỉ tiêu môi trường tại Công ty được kiểm soát chặt chẽ nhằm nâng cao điều kiện làm việc của người lao động và đáp ứng các yêu cầu pháp luật. Một số ghi nhận:

Chất thải: Tất cả các loại chất thải được Công ty tổ chức phân loại từ nguồn, do đó thuận lợi trong việc quản lý, chuyển giao cho các đơn vị chuyên ngành và được Nhà nước cấp phép để xử lý. Toàn bộ 100% chất thải nguy hại đã được bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Nước thải: 100% nước sử dụng trong hoạt động sản xuất tại Công ty được tuần hoàn và tái sử dụng, chỉ có nước thải sinh hoạt của NLĐ. Toàn bộ lượng nước thải này đều được các nhà máy và đơn vị thành viên tổ chức xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thu gom của địa phương hoặc khu công nghiệp.

Khí thải: Các hoạt động sản xuất tại Công ty không có phát thải các loại khí có hại, không tác động đến môi trường sinh thái và môi trường lao động.

Bụi: Công ty đã đầu tư các trang thiết bị nhằm hạn chế phát thải bụi và đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Các kết quả đo kiểm môi trường vi khí hậu đều thấp (tốt) hơn rất nhiều so với quy định cho phép của pháp luật hiện tại.



6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty (tt)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:



Càng ngày, trách nhiệm về môi trường và xã hội ngày càng trở thành một yếu tố quan trọng mà các công ty cần phải xem xét trong chiến lược phát triển bền vững. Chính vì vậy việc xây dựng, triển khai và tuân thủ tiêu chuẩn trách nhiệm về môi trường và xã hội là điều kiện cần thiết với Nhựa Bình Minh trong định hướng phát triển của Công ty.

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong sự phát triển vững chắc của doanh nghiệp, chính vì vậy Công ty luôn chú trọng tập trung vào những vấn đề liên quan đến người lao động như thời giờ làm việc, chế độ tiền lương và phúc lợi, sự gắn kết, phát triển nghề nghiệp cũng như tạo mọi điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động để cùng đồng hành, gắn bó với Công ty.

- ▶ Với thời giờ làm việc, Công ty cam kết áp dụng thời gian làm việc từ 40 giờ đến tối đa 48 giờ và có một đến hai ngày nghỉ hoàn toàn trong tuần. Công ty còn áp dụng nhiều thời giờ nghỉ ngắn hạn trong ca làm việc hoặc giảm thời gian làm việc trong ngày để giảm bớt cường độ làm việc cho người lao động.

- ▶ Về chế độ tiền lương: Công ty có quy chế chính sách rõ ràng, công khai, minh bạch và thường xuyên liên tục cải thiện nhằm đảm bảo phù hợp với thị trường cũng như để cho người lao động có được cuộc sống ổn định. Điều này được thể hiện rõ nhất trong năm 2021, tuy gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng Công ty vẫn cố gắng không để tiền lương của người lao động bị sụt giảm.
- ▶ Về phúc lợi: Công ty luôn cam kết đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cho tất cả người lao động.
 - Công ty tổ chức bộ phận y tế riêng để chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Tăng cường công tác kiểm tra để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện đo đạc đánh giá tác động môi trường định kỳ để có những biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường làm việc.
 - Thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh như trợ cấp thêm hằng tháng, hỗ trợ chi phí thuốc men cho người lao động bị F0, F1 hay gia đình người lao động gặp khó khăn do dịch bệnh hay điều chỉnh chính sách nghỉ hằng năm linh hoạt trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 và sự giãn cách xã hội kéo dài như hiện nay.
- ▶ Sự gắn kết: Việc tìm hiểu quan điểm của người lao động sẽ giúp cho người sử dụng lao động có những phương thức quản lý, hành động cần thiết để cải thiện từ đó có thể phát huy tối đa năng lực của người lao động và sẽ làm cho người lao động nhiệt tình, tận tâm với công việc cũng như nỗ lực hết mình vì mục tiêu chung của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đã tổ chức những hoạt động như Họp mặt kỷ niệm sinh nhật Công ty, Tổ chức các cuộc thi, Hội thao, Du lịch, các chương trình ghi nhận thành tích, sự cống hiến của người lao động...
- ▶ Phát triển nghề nghiệp: Công ty luôn tạo nhiều cơ hội để hỗ trợ người lao động được phát huy tiềm năng, phát triển nghề nghiệp của mình. Bên cạnh việc thực hiện đào tạo nâng cao chuyên môn, tay nghề cho người lao động, Công ty còn xây dựng chính sách tập sự cán bộ quản lý để người lao động được bồi dưỡng kỹ năng quản lý thực tế, giúp cho người lao động đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty quy định.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty (tt)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:



Các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương năm nay có sự hạn chế về giá trị tài chính so với năm trước đó (chỉ bằng 31% so với năm 2020). Điều này hoàn toàn lý giải được là do tình hình khó khăn chung, kết quả lợi nhuận từ SXKD Công ty chỉ còn hơn 40% so với kế hoạch cũng như thực tế lợi nhuận năm trước. Vì vậy, Ban điều hành đã rất cân nhắc khi chủ động điều tiết giảm nguồn tài chính của Công ty trong hỗ trợ cho các công tác xã hội, nhằm đảm bảo sự hài hòa lợi ích cho các bên liên quan khác.

Các hoạt động xã hội của Công ty có sự chọn lọc và tập trung cho các cá nhân trong cộng đồng có mối liên hệ gần gũi với sự ổn định của Công ty và đang bị ảnh hưởng khó khăn trực tiếp hoặc gián tiếp từ dịch bệnh Covid-19. Như vậy, có thể nhận thấy hoạt động xã hội của Công ty đã mang ý nghĩa thời sự và ý nghĩa thực tế rất cao. Từ đó các hoạt động này nhận được sự

đánh giá cao của cộng đồng địa phương, cũng như sự ủng hộ nhiệt tình của các thành viên trong Công ty.

Tuy hạn chế về giá trị tài chính, nhưng bù lại hoạt động xã hội của Công ty năm nay lại được tăng cường bằng cách trực tiếp góp sức người và hỗ trợ phương tiện cụ thể, giúp địa phương giảm nhẹ phần nào gánh nặng về nhân lực khi thực hiện các công tác phòng chống dịch trong thời gian rất dài. Qua thực tế sát cánh cùng cộng đồng địa phương chống dịch bằng chính sức lực của mình, Công ty không chỉ nhận được sự đánh giá cao của địa phương, mà ở chiều ngược lại, Công ty cũng nhận được sự hỗ trợ quý giá của các địa phương trong các chương trình triển khai tiêm vaccine cho toàn thể Người lao động tại Công ty linh hoạt, đầy đủ và kịp thời để bảo đảm an toàn cho nguồn lao động của Công ty. Đây thực sự là một lợi ích được đáp lại tức thì và hiệu quả cho Công ty từ hoạt động xã hội mà Công ty đã triển khai trước đó.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. 112
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị. 114
3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. 115
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành. 116
5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển. 117



1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty



- ▶ So với kết quả năm 2020, các chỉ tiêu chủ yếu như doanh thu đạt 4.565 tỷ giảm 3%, sản lượng đạt 92.565 tấn giảm 16%, lợi nhuận trước thuế đạt 268 tỷ giảm 59%. Các chỉ tiêu chủ yếu trên đều không đạt kế hoạch năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao.
- ▶ Mặc dù kết quả không đạt kế hoạch nhưng để đảm bảo tốt lợi ích của cổ đông, Công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 khoảng 102 tỷ đồng vào tháng 2/2022. Dự kiến chia cổ tức cả năm 2021 khoảng 214 tỷ tương đương khoảng 100% Lợi nhuận sau thuế và khoảng 26% Vốn điều lệ.
- ▶ Với kết quả như trên, năm 2021 được coi là một trong những năm rất khó khăn của công ty với hai nguyên nhân chính:
 - Sự tăng cao bất thường của giá nguyên liệu đã làm lợi nhuận của công ty bị sụt giảm mạnh.
 - Đại dịch Covid-19 bùng phát và các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt (đặc biệt quý 3 /2021) đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu, sản lượng của công ty.
 - Mặc dù vậy, các yếu tố trên cũng có tác động mạnh mẽ đến tất cả các đối thủ cùng ngành nên công ty vẫn tiếp tục duy trì được thị phần và vị thế dẫn đầu trên thị trường.
- ▶ Các hoạt động thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với môi trường và xã hội vẫn được quan tâm và thể hiện ở mức độ tích cực, dù trong điều kiện công ty cũng phải đối mặt với những khó khăn chung về tình hình kinh tế.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của HĐQT



- ▶ HĐQT vẫn tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 với hình thức trực tiếp thành công vào tháng 4/2021.
- ▶ Do đại dịch Covid-19 nên trong năm 2021, các cuộc họp HĐQT đều phải tổ chức trực tuyến nhưng vẫn được duy trì đều đặn, đầy đủ theo đúng yêu cầu của Điều lệ công ty. HĐQT thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động Công ty thông qua các báo cáo hàng tháng của Tổng Giám đốc (TGD), tuân thủ nguyên tắc quản trị và thực hiện tốt những công việc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.
- ▶ HĐQT đã ủng hộ các đề xuất của TGD để duy trì các chế độ đảm bảo thu nhập và thực hiện các chính sách hỗ trợ cho Người lao động trong điều kiện đại dịch kéo dài.

3. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập



- ▶ Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch nhưng HĐQT vẫn duy trì hoạt động ổn định và luôn thể hiện sự ủng hộ các đề xuất, giải pháp của Tổng Giám đốc để tạo điều kiện cho công ty phát triển.
- ▶ HĐQT và Ban điều hành luôn đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nỗ lực cao độ của Người lao động (NLĐ) để tuân thủ các quy định và đảm bảo an toàn cho 100% NLĐ trong đại dịch.
- ▶ Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự ủng hộ của HĐQT về sự quan tâm đến lợi ích của Người lao động trong công ty. Đề nghị HĐQT tiếp tục ủng hộ việc xây dựng chính sách lương, thưởng, đãi ngộ phù hợp với qui mô và vị thế của công ty, đảm bảo mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập của thị trường để duy trì và bổ sung đội ngũ Ban điều hành, Người lao động có năng lực vì mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững



4. Đánh giá của HĐQT về Ban điều hành

- ▶ Ban điều hành đã rất kiên quyết trong việc thiết lập các biện pháp phòng chống đại dịch nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn cho NLĐ và bảo toàn lực lượng lao động của Công ty để kịp thời tái lập hoạt động ngay sau đại dịch.
- ▶ Đội ngũ Ban điều hành đã giữ được mối quan hệ đồng thuận và khích lệ được tinh thần làm việc tập thể trong điều kiện khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ▶ Ban điều hành đã tăng cường cải tiến các hoạt động quản trị nội bộ và đã thật sự đạt được những kết quả tốt nhằm nâng cao năng lực quản trị làm tiền đề cho phát triển lâu dài.

5. Định hướng của HĐQT về tầm nhìn và chiến lược phát triển

- ▶ Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam. Kiên định với định hướng ưu tiên phát triển thị phần và vận dụng linh hoạt chính sách để nâng cao kết quả kinh doanh.
- ▶ Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua việc đa dạng sản phẩm, mở rộng đối tượng khách hàng, ứng dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại.
- ▶ Định hướng xây dựng cơ sở cho một cấu trúc quản trị tiên tiến dựa trên nền tảng SỐ và tối ưu hóa nguồn lực Công ty.
- ▶ Xây dựng Hệ thống phân phối theo mô hình kinh doanh chủ động để tăng tính chủ động khi xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phát triển thị trường.
- ▶ Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và nâng cao lợi ích cho Người lao động. Tăng cường chính sách đãi ngộ, giữ chân nhân tài, xây dựng nguồn nhân lực quản lý và lao động chất lượng cao.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- | | |
|---|-----|
| 1. Hội đồng quản trị. | 120 |
| 2. Ban Kiểm soát. | 132 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát. | 140 |



1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	0	0
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%
03	Ông Wisit Rechaipichitgool (HĐQT đã phê duyệt Đơn từ nhiệm từ ngày 27/04/2021)	Thành viên	0	0
04	Ông Chaowalit Treejak (ĐHCD bầu thay thế từ ngày 27/04/2021)	Thành viên	0	0
05	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên	0	0
06	Ông Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0	0

“

BMP đã cố gắng đẩy nhanh các công tác R&D, áp dụng các công nghệ mới, đặc biệt là tự động hóa để mang đến những khả năng cạnh tranh dài hạn bền vững và đáng tin cậy.



➤ Ông SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD

Chủ tịch HĐQT
(Thành viên không điều hành)
Năm sinh : 1967
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 2005 : Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical – Iran.
- 2009: Giám đốc điều hành Công ty SCG Plastict Ltd. – Thailand.
- 2015: Giám đốc điều hành Công ty SCG Chemicals Co. Ltd – Thailand.
- 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefin & Vinyl SCG- Thailand.
- 20/04/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh.

1. Hội đồng quản trị (tt)

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



“
BMP duy trì các chế độ đảm bảo thu nhập và thực hiện các chính sách hỗ trợ cho Người lao động trong điều kiện đại dịch kéo dài.



“
BMP áp dụng phương thức Vận hành xuất sắc trong sản xuất, đi đôi với Quản lý chuỗi cung ứng.



Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

(Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Ông WISIT RECHAIPICHITGOOL

(Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Tài chính – Hành chính



M A R K E T I N G G R A P H



1. Hội đồng quản trị (tt)

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



“

BMP tăng cường cải tiến các hoạt động quản trị nội bộ, nâng cao năng lực quản trị làm tiền đề cho phát triển lâu dài.



“

BMP định hướng xây dựng cơ sở, cấu trúc quản trị tiên tiến dựa trên nền tảng SỐ và tối ưu hóa nguồn lực Công ty.



➤ Ông PORAMATE JARNROONGRO

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)
 Năm sinh: 1963
 Trình độ: Thạc sỹ Công nghiệp

Quá trình công tác:

- 2004: Trưởng Phòng Kế hoạch – Mua sắm của Công ty Thai CRT Co., Ltd.
- 2005: Giám đốc điều hành Công ty Siam Forestry Co., Ltd.
- 2008: Giám đốc điều hành Công ty Thai Cane Paper Public Co., Ltd.
- 2010: Giám đốc điều hành Công ty Thai Container Group Co., Ltd.
- 2018-nay: Giám đốc điều hành Công ty Nawaplastic Industries Co., Ltd.

➤ Ông CHAOWALIT TREEJAK

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Hành chính

(ĐHCB đã bầu làm thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2021. Đã đề cập trong phần giới thiệu Ban điều hành)

1. Hội đồng quản trị (tt)

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



“
**Các hoạt động thể hiện
 trách nhiệm của BMP
 đối với môi trường và xã
 hội được quan tâm và
 thể hiện tích cực.**”

➤ Ông PHAN KHẮC LONG

Thành viên độc lập HĐQT
 Năm sinh : 1961
 Trình độ: Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác:

- 1983: Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2
- 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát
- 1996: Giám đốc Cty TNHH SX & XD Phan Vũ
- 2001: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation – Japan
- 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange)
- 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- 20/04/2018: Thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Bình Minh

b. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

STT	Tiểu ban	Thành viên	Chức vụ
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỜNG	Ông Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Ngọc Linh	Giám đốc Nhân sự - Phó Tiểu ban
		Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên Pháp chế - Thành viên
		Ông Phạm Hải Đăng	Tổ trưởng kho hàng BMBD - Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Yến Nhi	Nhân viên Kế toán - Thành viên
2	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc - Trưởng Tiểu ban
		Ông Bông Hoa Việt	Thư ký HĐQT/ Trợ lý Tổng giám đốc Phó Tiểu ban
		Ông Phùng Hữu Luận	Giám đốc Tài chính - Kế toán - Thành viên
		Bà Vy Thị Hồng Loan	Giám đốc Kinh doanh - Thành viên
		Ông Nguyễn Viết Anh	Phó Giám đốc Đầu tư - Nghiên cứu phát triển
3	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	Ông Chaowalit Treejak (thay Ông Wisit Rechaipichitgool)	Thành viên HĐQT/ Phó TGD Tài chính - Hành chính - Trưởng Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD Kỹ thuật - Sản xuất - Phó Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD Kinh doanh - Tiếp thị - Thành viên
		Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Thành viên
		Ông Phạm Hoàng Anh	Giám đốc Đầu tư - Nghiên cứu phát triển Thành viên
4	KIỂM SOÁT RỦI RO	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Chuyên viên Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ - Thành viên Ban Kiểm soát - Phó Tiểu ban
		Ông Lê Anh Huy	Giám đốc Quản trị hệ thống / Đại diện lãnh đạo - Thành viên
		Ông Bùi Văn Hiếu	Giám đốc Hệ thống Thông tin - Thành viên
		Ông Nguyễn Tuấn Văn	Nhân viên Môi trường - Quản lý cơ sở hạ tầng

1. Hội đồng quản trị (tt)

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Từ ngày 01/01/2021-31/12/2021, có tổng cộng 8 cuộc họp HĐQT, trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không dự
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	8/8	100%	
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	8/8	100%	
03	Ông Wisit Rechaipichitgool	4/8	50%	Đã từ nhiệm
04	Ông Chaowalit Treejak	5/8	63%	Mới bổ nhiệm
05	Ông Poramate Larnroongroj	8/8	100%	
06	Ông Phan Khắc Long	8/8	100%	



Từ các cuộc họp HĐQT trên, đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-BM/HĐQT/2021	20/01/2021	Nghị quyết về việc tạm ứng Cổ tức lần 2 năm 2020 cho Cổ đông.
2	02/NQ-BM/HĐQT/2021	22/02/2021	Nghị quyết về xây dựng ngân sách thường năm 2021 cho NLĐ.
3	03/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết giao quyền cho TGD thực hiện các giao dịch tín dụng có hạn mức và thế chấp tài sản chung.
4	04/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết giao quyền cho TGD thực hiện các giao dịch tín dụng có hạn mức và thế chấp tài sản với Vietinbank.
5	05/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết giao quyền cho TGD thực hiện các giao dịch tín dụng có hạn mức và thế chấp tài sản với Sacombank.
6	06/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết giao quyền cho TGD thực hiện các giao dịch tín dụng có hạn mức và thế chấp tài sản với ACB.
7	07/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết thông qua việc trình thư từ nhiệm của TV. HĐQT lên ĐHCĐ.
8	08/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết về khoản thưởng bổ sung lần đầu cho NLĐ dựa trên KQKD 2020
9	09/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết phân công Chủ tọa điều hành ĐHCĐ 2021 thay Chủ tịch HĐQT
10	10/NQ-BM/HĐQT/2021	01/04/2021	Nghị quyết về khoản thưởng bổ sung cho NLĐ năm 2021
11	11/NQ-BM/HĐQT/2021	27/04/2021	Nghị quyết về thực hiện trả cổ tức tiền mặt còn lại cho năm 2020
12	12/NQ-BM/HĐQT/2021	27/04/2021	Nghị quyết thông qua thư từ nhiệm của PTGD - Ông Wisit Rechaipichitgool
13	13/NQ-BM/HĐQT/2021	27/04/2021	Nghị quyết bổ nhiệm PTGD - Ông Chaowalit Treejak
14	14/NQ-BM/HĐQT/2021	24/12/2021	Nghị quyết về tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2021
15	01/QĐ-BM/HĐQT/2021	02/01/2021	Quyết định bổ nhiệm thay thế thành viên Tiểu ban Nhân sự Chính sách Lương Thưởng
16	02/QĐ-BM/HĐQT/2021	27/04/2021	Quyết định bổ nhiệm thay thế Trưởng Tiểu ban Chiến lược Phát triển
17	03/QĐ-BM/HĐQT/2021	27/04/2021	Quyết định bổ nhiệm PTGD - Ông Chaowalit Treejak
18	04/QĐ-BM/HĐQT/2021	18/10/2021	Quyết định hệ số lương đặc biệt cho Quý 3/2021
19	05/QĐ-BM/HĐQT/2021	12/11/2021	Quyết định cấu trúc lại các phòng ban.

1. Hội đồng quản trị (tt)

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia 8/8 buổi họp HĐQT. Với vai trò trực tiếp phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách- Lương thưởng trực thuộc HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng và lựa chọn nhân sự cho các chức danh điều hành cấp cao trong Công ty.

Bên cạnh đó, khi Ban Điều hành tiến hành chương trình tái cơ cấu tổ chức Công ty, Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều ý kiến phản biện, làm rõ, cũng như giải thích, tư vấn cho HĐQT hiểu hơn về bản chất và mục đích của Dự án và cơ chế phân phối tiền lương và thu nhập.

e. Đào tạo cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty:

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Stt	Họ và tên	Nơi cấp chứng chỉ
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thái Lan
02	Ông Chaowalit Treejak	Thái Lan
03	Ông Poramate Larnroongroj	Thái Lan

Danh sách các thành viên HĐQT trị tham gia chương trình về quản trị công ty trong năm: Do tình hình dịch bệnh Covid-19, trong năm qua không có thành viên tham gia các chương trình về quản trị Công ty.



2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số hữu CP có quyền biểu quyết	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát	0	2/2	100%	Độc lập
02	Ông Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0	2/2	100%	Từ SCG
03	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	2/2	100%	Người lao động



2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:



“

BMP tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

“

BMP thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



➤ Ông NGUYỄN THANH THUẬN

Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1987
Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác :

- 2009: Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).
- 2012: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2015: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2016: Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2018: Trưởng phòng tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia.
- 20/04/2018: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

➤ Ông PRAWEEEN WIROTPAN

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1968
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1991: Kiểm toán viên tại Công ty Siem Cement Puplic Co. Ltd.- Thailand.
- 1998: Trưởng phòng Quản trị Công ty Cementhai Plastic & Product Co.,Ltd - Thailand.
- 2000: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd - Thailand.
- 2002: Trưởng Phòng Nhân sự Công ty Thai Plastic&Chemicals Public Co.,Ltd. -Thailand.
- 2006: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd.
- 2015: Tổng Giám đốc SCG Vietnam.
- 20/04/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Bình Minh.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:



“

BMP cố gắng cân đối các nguồn tài chính, đảm bảo tiền lương người lao động tương đương với năm 2020.

➤ Bà NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1983
Trình độ: Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác :

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS tổ chức 02 cuộc họp để giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các quy trình/quy định nội bộ đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Nội dung cụ thể như sau:

Stt	Ngày	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	26/4/2021	3/3	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Cập nhật kết quả kinh doanh Quý 1/2021 ▶ Xem xét Báo cáo tài chính Quý 1/2021 ▶ Xem xét các khuyến nghị của đoàn IA SCG và các giải trình của Công ty nhằm khắc phục/phòng ngừa.
2	17/12/2021	3/3	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Cập nhật kết quả kinh doanh 11 tháng năm 2021 ▶ Xem xét Báo cáo tài chính Quý 3/2021 ▶ Cập nhật kế hoạch xử lý các khoản nợ quá hạn ▶ Cập nhật các khuyến nghị của đoàn IA SCG và giải trình của Công ty ▶ Rà soát quy chế hoạt động của BKS theo Luật doanh nghiệp mới

Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia toàn bộ các cuộc họp của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời tham gia ý kiến về những nội dung liên quan đến tài chính kế toán.

2. Ban Kiểm soát (tt)

Kết quả kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát:

➤ Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021

- ◆ HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
- ◆ Do tình hình giá nguyên vật liệu tăng cao bất thường cũng như ảnh hưởng của đại dịch Covid nên doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được so với kế hoạch được giao.

➤ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

- ◆ BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.
 - HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
 - Ban Điều hành thực hiện tốt các công tác phòng chống dịch bệnh, theo dõi sát sao tình hình thị trường và các doanh nghiệp cùng ngành, từ đó đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp.
- ◆ Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp, ban hành 14 Nghị quyết và 05 Quyết định phù hợp với Điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- ◆ Hoạt động của 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT được duy trì tốt và có hiệu quả, qua đó đã tư vấn được cho HĐQT và Ban điều hành những vấn đề thiết thực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách thu nhập cho người lao động.

➤ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành

- ◆ BKS ghi nhận sự phối hợp của HĐQT và Ban Điều hành. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.
- ◆ Các cuộc họp của BKS luôn được Ban Điều hành tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của Ban.

➤ Về thẩm tra Báo cáo tài chính và các hoạt động khác

- ◆ Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.
- ◆ Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ◆ Công ty thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cấp cao và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại Doanh nghiệp:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Lương cho Điều hành (VNĐ)	Thưởng cho Điều hành (VNĐ)	Thù lao và Thưởng cho hoạt động quản trị công ty (VNĐ)	Nộp thuế TNCN (VNĐ)	Thu nhập sau thuế tại BMP (VNĐ)
1	Sakchai Patiparnpreechawud	- CT. HĐQT	-	-	2.194.619.737	438.923.947	1.755.695.790
2	Nguyễn Hoàng Ngân	- PCT. HĐQT - Tổng GD	2.289.558.001	1.043.281.013	1.563.633.816	1.515.711.312	3.380.761.518
3	Wisit Rechaipichitgool	- TV. HĐQT - P.TGD	938.121.669	658.057.488	881.857.639	715.624.992	1.762.411.804
4	Chaowalit Treejak	- TV. HĐQT - P.T GD	608.869.612	2.000.000	461.814.203	295.707.588	776.976.227
5	Phan Khắc Long	- TV. HĐQT	-	-	1.336.771.842	133.677.185	1.203.094.657
6	Poramate Lamroongroj	- TV. HĐQT	-	-	1.336.771.842	267.354.368	1.069.417.474
7	Bông Hoa Việt	- Thư ký Công ty - Phụ trách Quản trị Công ty	872.167.526	352.798.402	685.285.921	500.163.305	1.410.088.544
8	Nguyễn Thanh Thuận	- Trưởng BKS	-	-	947.676.712	94.767.671	852.909.041
9	Nguyễn Lưu Thùy Minh	- TV. BKS - Chuyên viên Quản trị rủi ro	334.210.896	153.193.348	595.506.029	209.780.915	873.129.358
10	Praween Wirotpan	- TV. BKS	-	-	568.606.029	56.860.603	511.745.426
11	Nguyễn Thanh Quan	- P. TGD - TV Tiểu ban Chiến lược	1.690.969.972	788.872.106	29.900.000	680.135.824	1.829.606.254
12	Nguyễn Thanh Hải	- P. TGD - TV Tiểu ban Chiến lược	1.409.228.567	781.005.968	26.900.000	600.499.293	1.616.635.242
13	Hồng Lê Việt	- Kế toán trưởng - TV Tiểu ban Chiến lược	861.667.575	346.633.770	26.900.000	227.634.308	1.007.567.037
Tổng Cộng			9.004.793.818	4.125.842.095	10.656.243.770	5.736.841.311	18.050.038.372

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cấp cao và Ban kiểm soát (tt)



b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng trước giao dịch	Giao dịch		Số lượng sau giao dịch	Tỉ lệ sở hữu
				Mua	Bán		
1	Sakchai Patiparnpreechawud	- CT. HĐQT	0			0	0%
2	Nguyễn Hoàng Ngân	- PCT. HĐQT - Tổng GĐ	618.550			618.550	0,756%
3	Wisit Rechaipichitgool	- TV. HĐQT - P. TGD	0			0	0%
4	Chaowalit Treejak	- TV. HĐQT - P. TGD	0			0	0%
5	Poramate Larnroongroj	- TV. HĐQT	0			0	0%
6	Phan Khắc Long	- TV. HĐQT độc lập	0			0	0%
7	Bông Hoa Việt	- Thư ký Công ty	105.600			105.600	0.129%
8	Nguyễn Thanh Thuận	- Trưởng BKS	0			0	0%
9	Nguyễn Lưu Thùy Minh	- TV. BKS	14.040			14.040	0,017%
10	Praween Wirotpan	- TV. BKS	0			0	0%
11	Nguyễn Thanh Quan	- P. TGD	11.709			11.709	0,014%
12	Nguyễn Thanh Hải	- P. TGD	21.600		21.600	0	0%
13	Hồng Lê Việt	- Kế toán trưởng	03			03	0,00%
Tổng Cộng			761.499	21.600	739.899	0,9%	

Giao dịch của Cổ đông sở hữu 5% trở lên:

Tổ chức	Số lượng trước giao dịch	Giao dịch		Số lượng sau giao dịch	Tỉ lệ sở hữu sau GD
		Mua	Bán		
Nawaplastic Industries Co., Ltd.	44.525.911			44.525.911	54,39%
KWE Beteiligungen AG	4.283.708	4.321.700		8.605.408	10,51%
Tổng Cộng	48.809.619	4.321.700		53.131.319	64,90%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cấp cao và Ban kiểm soát (tt)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan: Không có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Về những điểm đã làm được:

- ◆ Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường trong năm 2021.
- ◆ Dù tình hình dịch bệnh Covid-19 rất khó khăn, Công ty đã linh hoạt điều chỉnh tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông 2021 đúng quy định. Tất cả các cuộc họp HĐQT đã được áp dụng hình thức trực tuyến. Số lượng cuộc họp HĐQT lên tới 8 cuộc với tất cả đều có 100% các thành viên HĐQT tham dự, cao nhất từ trước đến nay, thể hiện tinh thần trách nhiệm và quyết tâm của các thành viên HĐQT.
- ◆ HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc. Thể hiện tinh thần dân chủ và tôn trọng các ý kiến phản biện. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định, nghị quyết kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.
- ◆ Các tiểu ban của HĐQT đã ổn định hoạt động, có đóng góp ý kiến, đề xuất và tư vấn hữu ích cho HĐQT.
- ◆ Đã có thời gian tìm hiểu và tuân thủ nghiêm túc Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 khi giải quyết các vấn đề phát sinh.

Điểm còn hạn chế:

- ◆ Trong năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định phạt vi phạm về công bố Báo cáo Thường niên và 1 Nghị quyết HĐQT trong năm 2020 bị chậm, với tình tiết giảm nhẹ "vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra" trong năm đầu tiên bị dịch bệnh.
- ◆ Dịch bệnh Covid-19 kéo dài gây khó khăn cho việc hội họp trực tiếp của HĐQT và BKS. Họp trực tuyến, dù sao cũng có những hạn chế nhất định trong thảo luận.

VI. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)



Về các hoạt động cụ thể, vui lòng xem mục III.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty (trang ...) và mục V. Quản trị công ty (trang...).

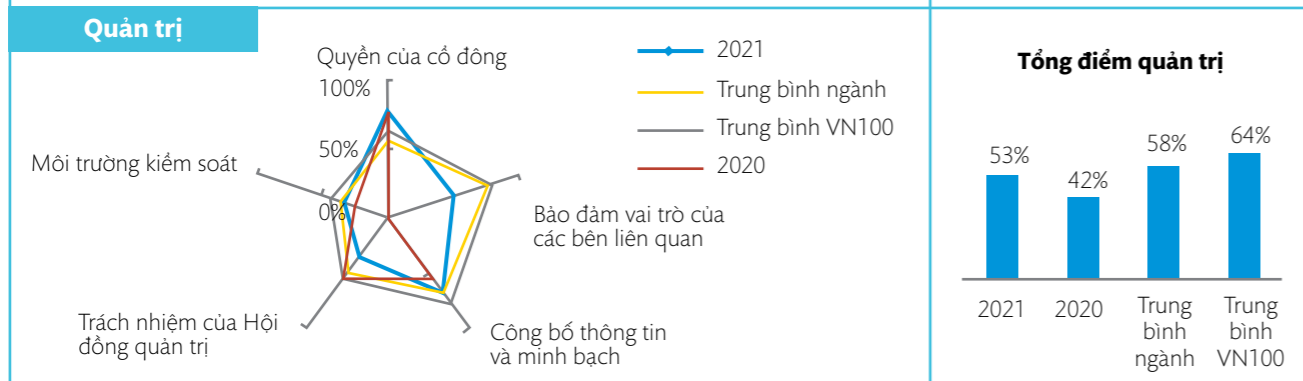
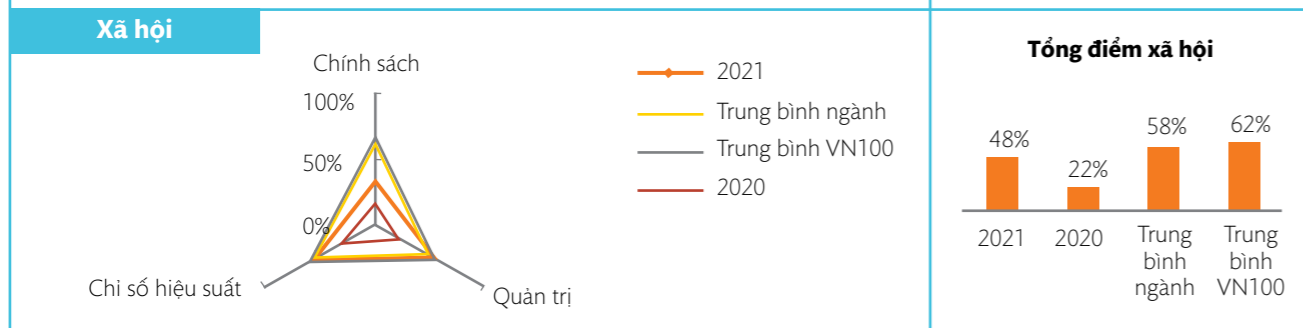
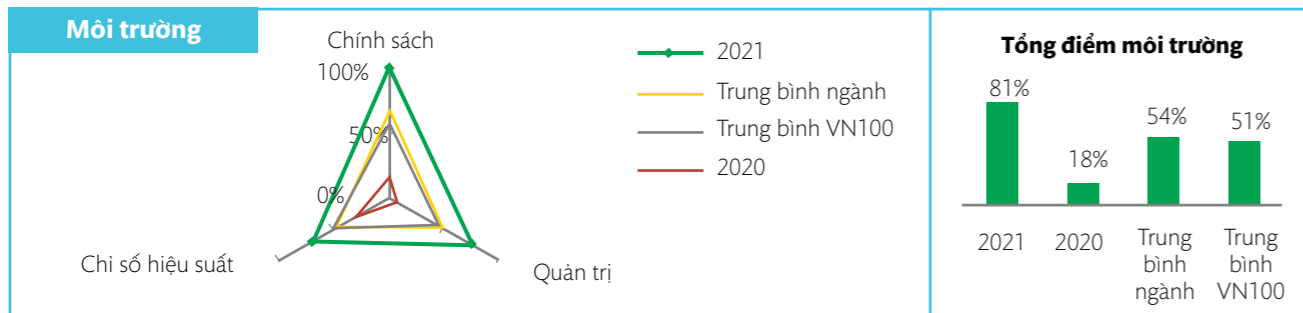


Năm 2021, Sở Giao dịch chứng khoán (GDCK) TP. HCM tiếp tục đánh giá việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững (ESG) tại các Công ty niêm yết, đánh giá các doanh nghiệp theo tiêu chí phát triển bền vững (ESG) và đo lường hiệu suất đầu tư bền vững trên thị trường chứng khoán thông qua Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI). Công ty CP Nhựa Bình Minh đã chủ động tham gia để có thêm góc nhìn thấu đáo và toàn diện hơn. Sau khi tổng hợp, phân tích, Sở GDCK TP. HCM có Bản báo cáo đánh giá năm 2021 để Nhựa Bình Minh tự theo dõi và làm cơ sở cho việc cải thiện và triển khai các hoạt động phát triển bền vững cho giai đoạn tiếp theo. Có thể tham khảo kết quả đánh giá như dưới đây:



Cổ phiếu được đánh giá	BMP	Điểm ESG	
		63%	81% Môi trường
			48% Xã hội
		53% Quản trị	

Thông tin Công ty	CTCP Nhựa Bình Minh	Giới thiệu chung
Mã ISIN	VN000000BMP5	<p>Đánh giá phát triển bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá phát triển bền vững là sản phẩm được Sở GD&ĐT TP.HCM xây dựng với mục tiêu thúc đẩy đầu tư trách nhiệm và bền vững trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đánh giá bao gồm hơn 100 tiêu chí đánh giá về Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp của các Công ty niêm yết thuộc VN100. Các tiêu chí này được xây dựng dựa trên nền tảng GRI Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu, Các Nguyên tắc Quản trị công ty của G20/OECD năm 2015, Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất 2019 và một số quy định pháp luật về chứng khoán tại Việt Nam. Nguồn dữ liệu đánh giá phát triển dựa trên các dữ liệu công bố thông tin trên thị trường và bảng khảo sát do Sở GD&ĐT TP.HCM gửi đến Công ty hằng năm. Đánh giá phát triển bền vững là cơ sở để xây dựng chỉ số phát triển bền vững - VNSI. <p>Chỉ số phát triển bền vững - VNSI: là chỉ số giá bao gồm 20 cổ phiếu thuộc VN100 có tính phát triển bền vững tốt nhất được sàng lọc thông qua các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Là thành phần của VN100 (đáp ứng các yêu cầu về tư cách cổ phiếu, thanh khoản, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và vốn hóa). Không thuộc các ngành nghề thuộc danh sách không mang tính bền vững theo Quy tắc xây dựng và Quản lý bộ chỉ số HOSE-Index - Chỉ số phát triển bền vững. Có kết quả Đánh giá phát triển bền vững do HOSE thực hiện cao nhất.
GICS Sector	Industrials	
GICS Industry Group	Capital Goods	
Giá trị vốn hóa (30/11/2021)	4.911,66 Tỷ VND	
Tỷ lệ tự do ch.nhuợng	50%	
Số cổ phiếu niêm yết	81.860.938	
Giới hạn sở hữu nước ngoài	100%	
Trang chủ	www.binhminhplastic.com	

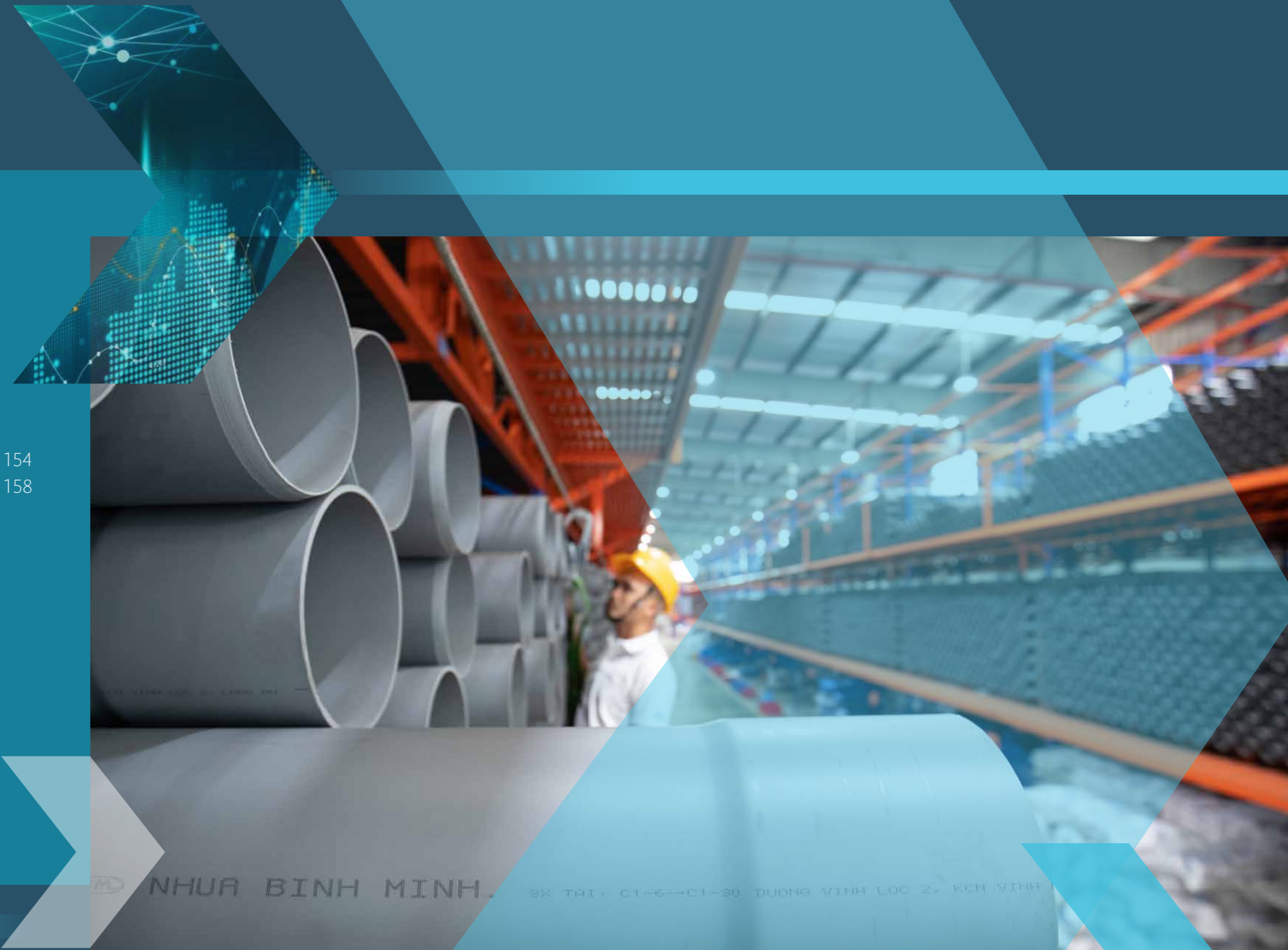


Cổ phiếu được đánh giá	BMP	Điểm ESG	
		63%	81% Môi trường
			48% Xã hội
		53% Quản trị	

Khía cạnh	Mục đánh giá	Chi tiết đánh giá	Kết quả	Đánh giá
Môi trường	Chính sách	- Sự hiện diện của chính sách môi trường. - Nội dung của chính sách môi trường: + Các khía cạnh đề cập. + Quy mô chính sách. + Độ chi tiết của nội dung chính sách.	100%	Công ty thực hiện tốt và có thống kê/báo cáo đáng tin cậy.
	Hệ thống quản lý	- Trách nhiệm Ban Lãnh đạo. - Hệ thống quản lý môi trường. - Nghiên cứu và phát triển liên quan đến môi trường.	75%	Công ty thực hiện tốt và có thống kê/báo cáo đáng tin cậy.
	Chi số hiệu suất	- Nguyên vật liệu. - Năng lượng. - Nước. - Đa dạng sinh học. - Xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải. - Đánh giá tác động môi trường của nhà cung cấp. - Tuân thủ pháp luật môi trường.	69%	Công ty thực hiện tốt, tuy nhiên Công ty có yếu tố có thể cải thiện về: Chỉ số hoạt động hiệu quả về môi trường.
Xã hội	Chính sách	- Chính sách về mối quan hệ với người lao động. - Chính sách về đảm bảo quyền con người, bình đẳng và chống phân biệt đối xử. - Chính sách về cộng đồng địa phương. - Chính sách đối với khách hàng.	35%	Công ty có một số yếu tố cần cải thiện hoặc thông tin cung cấp chưa đầy đủ về: Chính sách về xã hội.
	Hệ thống quản lý	- Yếu tố quản lý trong mối quan hệ với người lao động. - Yếu tố quản lý về quyền con người, bình đẳng và chống phân biệt đối xử. - Yếu tố quản lý trong mối quan hệ cộng đồng địa phương. - Yếu tố quản lý trong mối quan hệ đối với khách hàng.	53%	Công ty thực hiện tốt, tuy nhiên Công ty có yếu tố có thể cải thiện về: Các thực hành quản lý về trách nhiệm xã hội.
	Chi số hiệu suất	- Chỉ số đo lường về mối quan hệ với người lao động. - Chỉ số đo lường về quyền con người, bình đẳng và chống phân biệt đối xử. - Chỉ số đo lường về mối quan hệ cộng đồng địa phương. - Chỉ số đo lường mối quan hệ đối với khách hàng.	56%	Công ty thực hiện tốt, tuy nhiên Công ty có yếu tố có thể cải thiện về: Các chỉ số về mặt xã hội của Công ty.
Quản trị	Quyền của cổ đông	- Quy trình tổ chức đại hội đồng cổ đông. - Chính sách liên quan đến khiếu nại của cổ đông. - Chính sách xác định mức thù lao Hội đồng quản trị. - Thực hiện chi trả cổ tức đúng thời hạn.	78%	Công ty thực hiện tốt và có thống kê/báo cáo đáng tin cậy.
	Đảm bảo vai trò của các bên liên quan	- Xác định các bên liên quan của Công ty. - Có chính sách, phương thức và tần suất tương tác với các bên liên quan.	50%	Công ty thực hiện tốt, tuy nhiên Công ty có yếu tố có thể cải thiện về: Đảm bảo vai trò của các bên liên quan.
	Công bố và minh bạch thông tin	- Có bộ phận chịu trách nhiệm truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định. - Công bố thông tin về tính độc lập của Thành viên hội đồng quản trị. - Thực hiện công bố thông tin về thù lao của từng TV HĐQT, Ban TGD/GD, Ban kiểm soát.	67%	Công ty thực hiện tốt, tuy nhiên Công ty có yếu tố có thể cải thiện về: Công bố thông tin và minh bạch.
	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị	- Các vấn đề về kiểm nhiệm. - Cơ cấu HĐQT về tính độc lập, đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm và giới tính. - Việc thành lập các tiểu ban HĐQT và phân bổ TV độc lập HĐQT vào các tiểu ban đó.	36%	Công ty có một số yếu tố cần cải thiện hoặc thông tin cung cấp chưa đầy đủ về: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
	Môi trường kiểm soát	- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và khung quản lý rủi ro hiệu quả. - Thành lập Ủy ban kiểm toán hỗ trợ HĐQT rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. - Thiết lập các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.	33%	Công ty có một số yếu tố cần cải thiện hoặc thông tin cung cấp chưa đầy đủ về: Môi trường kiểm soát.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- | | | |
|----|-----------------------------------|-----|
| 1. | Ý kiến kiểm toán. | 154 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán. | 158 |



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103002023

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 22 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các Giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên
	Ông Chaowalit Treejak	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 4 năm 2021)
	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)
	Ông Phan Khắc Long	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
	Ông Praween Wirotpan	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chaowalit Treejak	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)
	Ông Wisit Rechaipichitgool	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2021)
	Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng
Người đại diện pháp luật	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 158 đến trang 204 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 158 đến trang 204.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00314-22-2


Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vinh Phúc

Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán
số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.008.034.358.172	2.128.869.195.093
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	172.938.679.946	195.737.830.491
Tiền	111		40.438.679.946	75.737.830.491
Các khoản tương đương tiền	112		132.500.000.000	120.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		815.000.000.000	1.210.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	815.000.000.000	1.210.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.689.155.082	322.587.526.693
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	237.206.911.153	256.066.747.734
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	165.693.034.033	70.107.251.275
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	5.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	20.651.911.912	53.226.197.857
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(59.352.881.098)	(67.302.849.255)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		490.179.082	490.179.082
Hàng tồn kho	140	11	618.888.600.745	396.479.953.684
Hàng tồn kho	141		621.534.471.497	397.946.476.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.645.870.752)	(1.466.523.042)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.517.922.399	4.063.884.225
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	1.951.109.213	4.063.884.225
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20(b)	29.566.813.186	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		829.986.645.605	893.876.360.089
Tài sản cố định	220		381.994.407.065	497.828.944.252
Tài sản cố định hữu hình	221	12	372.660.409.996	486.576.464.056
- Nguyên giá	222		1.881.825.515.176	1.809.855.508.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.509.165.105.180)	(1.323.279.044.352)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.333.997.069	11.252.480.196
- Nguyên giá	228		39.045.177.078	35.913.685.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.711.180.009)	(24.661.205.632)
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.422.985.140	14.553.656.580
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	20.422.985.140	14.553.656.580
Đầu tư tài chính dài hạn	250		111.681.452.347	70.026.350.993
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	69.681.452.347	68.026.350.993
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	40.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		315.887.801.053	311.467.408.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	280.628.040.852	281.130.520.682
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	6.016.425.321	11.697.166.303
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	17	29.243.334.880	18.639.721.279
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.838.021.003.777	3.022.745.555.182

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2021

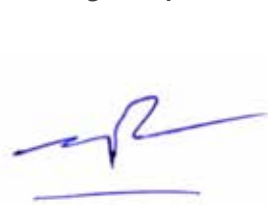
Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		544.546.223.660	551.220.912.521
Nợ ngắn hạn	310		522.694.582.284	527.728.036.413
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	199.607.476.356	150.288.522.992
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	13.429.339.201	26.729.785.320
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	20.705.176.081	38.265.789.302
Phải trả người lao động	314		73.715.623.406	45.517.309.181
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	39.486.861.618	192.506.802.772
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	107.529.031.224	8.163.547.746
Vay ngắn hạn	320	23	57.274.254.298	55.310.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	10.946.820.100	10.946.279.100
Nợ dài hạn	330		21.851.641.376	23.492.876.108
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	21.851.641.376	23.492.876.108
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.293.474.780.117	2.471.524.642.661
Vốn chủ sở hữu	410	26	2.293.474.780.117	2.471.524.642.661
Vốn cổ phần	411	27	818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.157.256.738.050	1.157.256.738.050
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
LNST chưa phân phối	421		271.032.327.367	449.082.189.911
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		158.981.681.901	3.981.681.901
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		112.050.645.466	445.100.508.010
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.838.021.003.777	3.022.745.555.182

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Hồng Lê Việt
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	4.564.938.031.907	4.700.439.808.827
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	12.181.427.790	14.799.482.422
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	4.552.756.604.117	4.685.640.326.405
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	3.848.837.736.824	3.438.658.560.035
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		703.918.867.293	1.246.981.766.370
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	59.568.491.727	78.259.660.907
Chi phí tài chính	22	33	124.995.428.345	123.875.152.159
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.575.792	50.844.435
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	2.305.101.354	1.672.608.076
Chi phí bán hàng	25	34	281.415.832.067	485.053.580.341
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	87.569.890.551	63.737.864.888
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		271.811.309.411	654.247.437.965
Thu nhập khác	31		2.490.248.377	2.407.627.504
Chi phí khác	32	36	6.100.661.043	115.030.214
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.610.412.666)	2.292.597.290
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		268.200.896.745	656.540.035.255
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	48.143.337.797	127.770.009.264
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	5.680.740.982	6.184.454.061
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		214.376.817.966	522.585.571.930
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	2.619	6.384

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Hồng Lê Việt
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	268.200.896.745	656.540.035.255
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	190.936.035.205	208.499.822.335
Các khoản dự phòng	03	(5.042.561.724)	(24.344.145.777)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	36.237.785	(106.552.568)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(60.989.699.898)	(80.017.185.703)
Chi phí lãi vay	06	39.575.792	50.844.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	393.180.483.905	760.622.817.977
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(26.177.109.279)	108.167.504.843
Biến động hàng tồn kho	10	(234.191.608.372)	69.432.568.870
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(102.271.761.491)	175.120.962.736
Biến động chi phí trả trước	12	2.615.254.842	(20.196.706.851)
		33.155.259.605	1.093.147.147.575
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.688.792)	(171.664.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(55.207.394.793)	(121.475.125.396)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.593.196.225)	(52.922.111.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.689.020.205)	918.578.245.687

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(159.331.973.839)	(96.053.114.754)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	668.095.202
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.390.000.000.000)	(1.820.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	1.750.000.000.000	1.306.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	24	90.154.381.666	51.456.576.463
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	290.822.407.827	(557.928.443.089)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.154.254.298	220.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(190.000.000)	(680.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(284.876.064.240)	(478.067.877.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(282.911.809.942)	(478.527.877.920)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.778.422.320)	(117.878.075.322)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	195.737.830.491	313.509.353.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.728.225)	106.552.568
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	172.938.679.946	195.737.830.491

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán

Người duyệt:


Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7 Đường số 2, khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

Stt	Công ty con	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.	Đường D1, khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100%	100%

Stt	Công ty liên kết	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đa Năng	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	Lô Q, đường số 4 và đường số 7, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	29,05%	29,05%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26%	26%

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 1.382 nhân viên (1/1/2021:1.409 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua tại ngày mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 - 10 năm
- máy móc và thiết bị 3 - 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 - 8 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 46 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn phản ánh chi phí sửa chữa nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

(o) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chi hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	1.068.260.032	586.146.585
Tiền gửi ngân hàng	39.370.419.914	75.151.683.906
Các khoản tương đương tiền	132.500.000.000	120.000.000.000
	172.938.679.946	195.737.830.491

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3% đến 3,4% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 3% đến 4,3%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021			1/1/2021		
	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	3,6 - 7%	815.000.000.000	815.000.000.000	6,2% - 9%	1.210.000.000.000	1.210.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	4,5 - 6,7%	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết

Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:	31/12/2021						01/01/2021					
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phân chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi số VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phân chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi số VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	6.956.452.347	15.081.452.347	650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	5.301.350.993	13.426.350.993
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000
				62.725.000.000	6.956.452.347	69.681.452.347				62.725.000.000	5.301.350.993	68.026.350.993

Biến động giá trị ghi số của khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	68.026.350.993	66.743.742.917
Phân chia lãi trong công ty liên kết	2.305.101.354	1.672.608.076
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(650.000.000)	(390.000.000)
Số dư cuối năm	69.681.452.347	68.026.350.993

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2021 và ngày 1/1/2021				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (i)	20.000	3,00%	4.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 8 tháng 4 năm 2013. Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật, các dự án đầu tư.

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	89.807.755.069	97.147.720.675
Công ty TNHH SXTM Phương Hoàng	29.923.968.400	32.605.841.390
Công ty TNHH Đầu Tư - Tư Vấn - Xây Dựng Thép Mới	-	9.180.981.436
Các khách hàng khác	117.475.187.684	117.132.204.233
	237.206.911.153	256.066.747.734

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Eplas	120.009.071.778	35.039.747.073
Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	15.126.321.237	10.624.748.472
Các nhà cung cấp khác	30.557.641.018	24.442.755.730
	165.693.034.033	70.107.251.275

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cho vay đối với Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng - công ty liên kết	9 tháng	6%	5.000.000.000	10.000.000.000

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	1/1/2021 VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.168.638.476	10.768.331.720
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.649.776.251	41.469.559.373
Tạm ứng cho nhân viên	355.000.000	842.500.000
Phải thu khác	478.497.185	145.806.764
	20.651.911.912	53.226.197.857



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2021				1/1/2021			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	Trên 6 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-	Trên 5 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tuyết	Trên 6 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-	Trên 5 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới		-	-	-	Từ trên 1 năm đến 2 năm	9.180.981.436	(6.333.117.353)	2.847.864.083
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	3.530.235.865	(3.515.793.745)	14.442.120	Từ trên 1 năm đến 3 năm	6.049.621.460	(5.132.644.549)	916.976.911
		59.367.323.218	(59.352.881.098)	14.442.120		71.067.690.249	(67.302.849.255)	3.764.840.994

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	67.302.849.255	92.052.916.048
Trích lập dự phòng trong năm	1.911.770.388	24.257.770.054
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.861.738.545)	(48.002.887.887)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.004.948.960)
Số dư cuối năm	59.352.881.098	67.302.849.255



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		1/1/2021	
	Gía gốc VND	Dự phòng VND	Gía gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	52.745.702.137	-	24.960.367.300	-
Nguyên vật liệu	223.891.754.963	-	130.743.004.526	-
Công cụ và dụng cụ	2.533.883.782	-	1.977.309.190	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.855.366.068	-	31.516.172.427	-
Thành phẩm	272.350.091.664	(1.677.322.917)	179.417.020.007	(704.980.176)
Hàng hóa	40.157.672.883	(968.547.835)	29.332.603.276	(761.542.866)
	621.534.471.497	(2.645.870.752)	397.946.476.726	(1.466.523.042)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 16.008 triệu VND thành phẩm và 9.471 triệu VND hàng hóa (1/1/2021: 3.262 triệu VND thành phẩm và 7.709 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.466.523.042	2.473.349.255
Trích lập dự phòng trong năm	1.179.347.710	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.006.826.213)
Số dư cuối năm	2.645.870.752	1.466.523.042



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	507.946.939.493	1.251.310.978.295	38.855.694.753	11.741.895.867	1.809.855.508.408
Tăng trong năm	-	25.227.159.312	1.248.826.000	-	26.475.985.312
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.642.087.818	41.851.933.638	-	-	45.494.021.456
Số dư cuối năm	511.589.027.311	1.318.390.071.245	40.104.520.753	11.741.895.867	1.881.825.515.176
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	331.541.174.875	954.865.236.204	30.612.909.080	6.259.724.193	1.323.279.044.352
Khấu hao trong năm	68.023.463.695	113.290.969.173	3.368.999.750	1.202.628.210	185.886.060.828
Số dư cuối năm	399.564.638.570	1.068.156.205.377	33.981.908.830	7.462.352.403	1.509.165.105.180
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	176.405.764.618	296.445.742.091	8.242.785.673	5.482.171.674	486.576.464.056
Số dư cuối năm	112.024.388.741	250.233.865.868	6.122.611.923	4.279.543.464	372.660.409.996

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 939.461 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 682.915 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.570.664.750	26.343.021.078	35.913.685.828
Tăng trong năm	-	260.000.000	260.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.871.491.250	2.871.491.250
Số dư cuối năm	9.570.664.750	29.474.512.328	39.045.177.078
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.624.641.941	21.036.563.691	24.661.205.632
Khấu hao trong năm	157.908.437	4.892.065.940	5.049.974.377
Số dư cuối năm	3.782.550.378	25.928.629.631	29.711.180.009
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.946.022.809	5.306.457.387	11.252.480.196
Số dư cuối năm	5.788.114.372	3.545.882.697	9.333.997.069

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 22.540 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 10.898 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	14.553.656.580	27.925.505.552
Tăng trong năm	54.234.841.266	34.102.006.657
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.494.021.456)	(46.761.537.448)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.871.491.250)	(712.318.181)
Số dư cuối năm	20.422.985.140	14.553.656.580

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc và thiết bị	20.422.985.140	12.189.172.268
Phần mềm máy vi tính	-	2.364.484.312
	20.422.985.140	14.553.656.580

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	1.180.845.768	3.530.129.515
Chi phí khác	770.263.445	533.754.710
	1.951.109.213	4.063.884.225



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	222.430.091.339	49.084.460.108	9.615.969.235	281.130.520.682
Tăng trong năm	-	40.882.324.583	1.338.697.931	42.221.022.514
Phân bổ trong năm	(5.646.884.728)	(29.608.304.416)	(7.468.313.200)	(42.723.502.344)
Số dư cuối năm	216.783.206.611	60.358.480.275	3.486.353.966	280.628.040.852

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	6.016.425.321	11.697.166.303

17. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn liên quan đến thiết bị, vật tư, phụ tùng không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	87.266.553.000	56.271.072.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	44.164.885.600	33.517.440.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Hóa Thịnh	-	2.253.460.000
Các nhà cung cấp khác	68.176.037.756	58.246.550.992
	199.607.476.356	150.288.522.992



(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	811.452.359	1.265.833.177
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	87.266.553.000	56.271.072.000
Công ty TNHH SCG Performance Chemicals	1.563.142.350	3.816.548.280
Công ty TNHH SCG Plastics	24.599.196.120	455.241.870

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 14 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	2.839.655.258	8.171.673.824
Công ty TNHH Vân Nhi Minh Liêm	3.459.302.009	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tô Minh Liêm	-	1.156.484.509
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tường Vân	1.928.986	7.322.929.855
Công ty TNHH Trường Minh Hải	18.880.475	2.723.550.441
Các khách hàng khác	7.109.572.473	7.355.146.691
	13.429.339.201	26.729.785.320

20. THUẾ PHẢI NỘP VÀ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong kỳ/ chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.636.063.399	680.379.011.865	(140.888.036.258)	(549.397.237.764)	1.729.801.242
Thuế xuất nhập khẩu	-	378.739.889	(378.739.889)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.926.570.391	48.143.337.797	(55.207.394.793)	-	16.862.513.395
Thuế thu nhập cá nhân	2.703.155.512	24.245.990.342	(24.836.284.410)	-	2.112.861.444
Thuế khác	-	941.139.283	(941.139.283)	-	-
	38.265.789.302	754.088.219.176	(222.251.594.633)	(549.397.237.764)	20.705.176.081

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ/ chuyển từ thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	578.964.050.950	(549.397.237.764)	29.566.813.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	102.676.586.800	350.414.300
Nhận ký quỹ, ký cược	1.103.030.450	913.233.670
Tài sản thừa chờ giải quyết	393.273.928	393.273.928
Kinh phí công đoàn	290.007.960	279.425.180
Phải trả khác	3.066.132.086	6.227.200.668
	107.529.031.224	8.163.547.746

23. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2021 VND		Biến động trong kỳ		31/12/2021 VND	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	55.310.000.000	55.310.000.000	2.154.254.298	(190.000.000)	57.274.254.298	57.274.254.298

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay từ:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i)	VND	0%	54.600.000.000	54.600.000.000
Các khách hàng khác (ii)	VND	7,15%	2.674.254.298	710.000.000
			57.274.254.298	55.310.000.000

(i) Khoản vay này có kỳ hạn gốc 12 tháng và không được đảm bảo.

(ii) Số dư này liên quan đến khoản tiền đặt cọc nhận được từ các khách hàng phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa được ký giữa Tập đoàn và các khách hàng.

24. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc kết thúc ngày	
	31/12/2021 VND	1/1/2019 VND
Số dư đầu năm	10.946.279.100	21.591.761.023
Trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	-	38.048.967.000
Tăng khác	541.000	-
Sử dụng trong năm	-	(48.694.448.923)
Số dư cuối năm	10.946.820.100	10.946.279.100

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập cho các nhân viên đủ điều kiện hưởng khoản trợ cấp này của Tập đoàn.

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	23.492.876.108	23.085.077.839
Trích lập trong năm	1.728.058.723	508.303.144
Sử dụng trong năm	(3.369.293.455)	(100.504.875)
Số dư cuối năm	21.851.641.376	23.492.876.108



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	818.609.380.000	1.592.782.700	1.341.071.761.133	44.983.552.000	263.026.102.818	2.469.283.578.651
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	522.585.571.930	522.585.571.930
Bổ sung lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	183.815.023.083	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(183.815.023.083)	-	(38.048.967.000)	(38.048.967.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(4.227.663.000)	(4.227.663.000)
Chia cổ tức vào năm 2019 (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(245.582.814.000)	(245.582.814.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(232.485.063.920)	(232.485.063.920)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	449.082.189.911	2.471.524.642.661
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	214.376.817.966	214.376.817.966
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.224.443.770)	(5.224.443.770)
Chia cổ tức vào năm 2020 (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(284.876.064.240)	(284.876.064.240)
Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(102.326.172.500)	(102.326.172.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	818.609.380.000	1.592.782.700	1.157.256.738.050	44.983.552.000	271.032.327.367	2.293.474.780.117



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

27. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
The Nawaplastic Industries Co., Ltd.	445.259.110.000	54,4%	445.259.110.000	54,4%
Các cổ đông khác	373.350.270.000	45,6%	373.350.270.000	45,6%
	818.609.380.000	100%	818.609.380.000	100%

Công ty mẹ, The Nawaplastic Industries Co., Ltd., được thành lập tại Thái Lan.

28. CỔ TÚC

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 517.361 triệu VND, tương đương 99% lợi nhuận sau thuế của năm 2020 bằng tiền mặt, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 232.485 triệu VND trong năm 2020 và Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 12 năm 2021 đã quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 cho năm 2021 với số tiền 102.326 triệu VND, tương đương 1.250 VND/cổ phần.(2020: Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 409.305 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 bằng tiền mặt, tương đương 50% vốn điều lệ, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 163.722 triệu VND trong năm 2019).

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	30.205	682.209.835	31.446	725.217.018
THB	93.920	63.302.080	93.920	72.600.160
		745.511.915		797.817.178

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	16.431.510.289	14.631.295.262

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	4.359.772.893.128	4.484.458.023.220
• Bán vật tư, hàng hóa	205.145.273.779	215.971.208.789
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	19.865.000	10.576.818
	4.564.938.031.907	4.700.439.808.827
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(10.840.122.724)	(8.149.146.965)
• Hàng bán bị trả lại	(1.341.305.066)	(6.650.335.457)
	(12.181.427.790)	(14.799.482.422)
Doanh thu thuần	4.552.756.604.117	4.685.640.326.405

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
• Thành phẩm đã bán	3.645.126.125.321	3.226.463.529.433
• Vật tư, hàng hóa đã bán	202.526.928.793	213.196.690.264
• Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.335.000	5.166.551
• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.179.347.710	(1.006.826.213)
	3.848.837.736.824	3.438.658.560.035



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	58.210.598.544	77.723.127.603
Cổ tức được chia	474.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211.972.920	275.664.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	240.118.924
Doanh thu hoạt động tài chính khác	671.920.263	20.749.917
	59.568.491.727	78.259.660.907

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chiết khấu thanh toán	124.352.677.716	123.740.754.798
Chi phí lãi vay	39.575.792	50.844.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	566.937.052	76.912.293
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.237.785	-
Chi phí khác	-	6.640.633
	124.995.428.345	123.875.152.159

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	150.015.652.223	318.046.303.365
Chi phí nhân viên	59.832.395.462	47.824.492.806
Chi phí vật liệu, bao bì	11.640.332.095	15.667.630.657
Chi phí khấu hao	3.373.994.249	3.598.153.086
Chi phí vận chuyển	28.209.594.010	32.626.855.684
Chi phí hội nghị khách hàng	460.600.000	27.706.225.249
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.579.537.653	7.851.123.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.797.350.940	4.016.453.788
Chi phí khác	15.506.375.435	27.716.342.016
	281.415.832.067	485.053.580.341

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	52.540.716.086	26.509.225.525
Chi phí vật liệu quản lý	4.418.226.056	4.536.723.108
Chi phí khấu hao	4.197.236.050	7.334.803.963
Thuế, phí và lệ phí	7.162.346.421	7.403.072.617
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(7.949.968.157)	(23.745.117.833)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.385.441.620	16.188.549.050
Chi phí khác	13.815.892.475	25.510.608.458
	87.569.890.551	63.737.864.888

36. CHI PHÍ KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Chi phí phát sinh trong thời gian tạm ngừng hoạt động do dịch Covid-19	6.092.683.919	-
Khác	7.977.124	115.030.214
	6.100.661.043	115.030.214

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	3.393.562.807.592	2.830.236.704.128
Chi phí nhân công và nhân viên	348.104.637.321	336.238.028.968
Chi phí khấu hao và phân bổ	190.936.035.205	208.499.822.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.244.313.980	209.372.167.158
Chi phí khác	203.894.870.614	404.866.206.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	48.143.337.797	127.770.009.264
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	5.680.740.982	6.184.454.061
Chi phí thuế TNDN	53.824.078.779	133.954.463.325

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	268.200.896.745	656.540.035.255
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	53.640.179.349	131.308.007.051
Chi phí không được khấu trừ thuế	739.719.701	2.980.977.889
Thu nhập không bị tính thuế	(555.820.271)	(334.521.615)
	53.824.078.779	133.954.463.325

c. Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc - công ty con: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2007 đến năm 2018) và thuế suất thuế thu nhập thông thường cho những năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa các loại uPVC, PE, PP. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các hoạt động còn lại và các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 20%.

39. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	214.376.817.966	522.585.571.930
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	214.376.817.966	522.585.571.930

(*) Khoản tiền thưởng cho người lao động từ năm 2020 được trích lập như một khoản chi phí trước thuế thu nhập doanh nghiệp thay vì trích lập từ lợi nhuận sau thuế như các năm trước 2020. Theo đó, khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 bằng không.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021 Cổ phiếu	2020 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	81.860.938	81.860.938
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	81.860.938	81.860.938

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.619	6.384

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	7.117.500	50.869.040
Chi phí hoa hồng	8.981.572.534	6.674.644.151
Chi phí thuê kho	1.090.909.092	1.090.909.091
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu hồi cho vay	5.000.000.000	30.000.000.000
Chi phí vận chuyển	2.660.000.000	3.180.770.000
Thu nhập lãi	562.499.999	1.602.965.754
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa		
Mua nguyên vật liệu	1.368.590.830.000	978.756.200.000
Công ty TNHH SCG Performance Chemicals		
Mua nguyên vật liệu	99.730.450.970	39.673.450.880
Công ty TNHH SCG Plastics		
Mua nguyên vật liệu	71.580.888.780	13.077.612.760
Công ty TNHH Nawa Intertech		
Mua nguyên vật liệu	2.833.530.820	-
Mua tài sản cố định	-	1.499.074.882
Công ty TNHH Nawaplastic Industries		
Bán hàng hóa và thành phẩm	71.794.576	1.411.275.874
Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì Alcamax Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	53.118.504	540.741.500

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Sakchai Patiparnpreechawud	2.194.619.737	2.347.928.948
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	4.896.472.830	4.757.067.753
Ông Wisit Rechaipichitgool	2.478.036.796	3.615.118.903
Ông Chaowalit Treejak	1.072.683.815	-
Ông Poramate Larnroongroj	1.336.771.842	1.241.313.218
Ông Phan Khắc Long	1.336.771.842	1.418.757.369



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC

ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tt)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và thù lao	5.962.077.958	5.889.677.348
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	2.599.193.014	2.698.550.257

41. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.


Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Mạnh Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc



45
ANNIVERSARY
1977 - 2022

TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ - KIẾN TẠO TƯƠNG LAI






393.096:

TỔNG SỐ GIỜ CÔNG TY
HOẠT ĐỘNG TÍNH ĐẾN
NGÀY 16.11.2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

 (84) 28 3969 0973

 (84) 28 3960 6814

www.binhminhplastic.com.vn